

PHỤ LỤC
ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT DỊCH VỤ CHIẾU SÁNG ĐÔ THỊ,
CÂY XANH ĐÔ THỊ
(Kèm theo Quyết định số /2025/QĐ-UBND ngày /12/2025 của UBND tỉnh Quảng Ninh)

PHẦN I
NỘI DUNG VÀ KẾT CẤU ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT
DỊCH VỤ CHIẾU SÁNG ĐÔ THỊ, CÂY XANH ĐÔ THỊ

Điều 1. Nội dung định mức

1. Định mức kinh tế - kỹ thuật quy định mức hao phí cần thiết về vật tư, nhân công và xe, máy, thiết bị thi công để hoàn thành một đơn vị khối lượng của một công tác dịch vụ chiếu sáng đô thị, cây xanh đô thị. Trong đó:

a) Tên định mức: thể hiện công nghệ, biện pháp, yêu cầu kỹ thuật của công tác được xác định định mức;

b) Đơn vị tính định mức: phù hợp với đơn vị tính khối lượng của công tác;

c) Thành phần công việc: Mô tả rõ về quy trình, trình tự kỹ thuật áp dụng cho công tác, thể hiện rõ các bước công việc (công đoạn) thuộc công tác (nếu có) được xác định, tính toán trong định mức; thể hiện rõ yêu cầu kỹ thuật, thông số kỹ thuật dây chuyền công nghệ được sử dụng, tương ứng với biện pháp áp dụng đối với công tác được xác định định mức;

d) Bảng định mức dự toán: tổng hợp các thành phần hao phí vật liệu, nhân công, xe, máy, thiết bị thi công và các trị số hao phí định mức tương ứng, cần thiết để hoàn thành một đơn vị khối lượng của một công tác dịch vụ sự nghiệp công.

e) Phạm vi áp dụng và hướng dẫn sử dụng định mức: Mô tả về điều kiện tổ chức thực hiện dịch vụ; các điều kiện đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh môi trường được quy định khi thực hiện công việc hoặc sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công; các tiêu chuẩn, quy trình kỹ thuật, chỉ dẫn, yêu cầu kỹ thuật được áp dụng; và các ghi chú về phạm vi, điều kiện áp dụng (nếu có).

2. Định mức kinh tế - kỹ thuật bao gồm:

a) Mức hao phí vật liệu:

Là số lượng vật liệu (không kể vật liệu cần dùng cho xe, máy, thiết bị thi công và vật liệu tính trong chi phí chung) cần thiết cho việc thực hiện và hoàn thành một đơn vị công tác dịch vụ chiếu sáng đô thị, cây xanh đô thị. Mức hao phí vật liệu quy định trong tập định mức này đã bao gồm vật liệu hao hụt trong quá trình thực hiện công việc.

b) Mức hao phí nhân công:

Là số ngày công lao động của công nhân trực tiếp tương ứng với cấp bậc công việc để hoàn thành một đơn vị khối lượng công tác dịch vụ chiếu sáng đô thị, cây xanh đô thị.

Số lượng ngày công đã bao gồm cả lao động chính, lao động phụ để thực hiện và hoàn thành một đơn vị khối lượng công tác dịch vụ từ khâu chuẩn bị đến khâu kết thúc, thu dọn hiện trường thi công.

Cấp bậc công nhân trong định mức là cấp bậc bình quân của các công nhân tham gia thực hiện một đơn vị công tác dịch vụ chiếu sáng đô thị, cây xanh đô thị.

c) Mức hao phí xe, máy, thiết bị thi công:

Là số ca xe, máy, thiết bị thi công trực tiếp thực hiện và hoàn thành một đơn vị công tác dịch vụ chiếu sáng đô thị, cây xanh đô thị.

Điều 2. Kết cấu tập định mức kinh tế - kỹ thuật:

1. Định mức được trình bày theo nhóm, loại công tác dịch vụ. Mỗi định mức được trình bày gồm: thành phần công việc, điều kiện áp dụng các trị số mức và đơn vị tính phù hợp để thực hiện công việc đó.

2. Định mức dịch vụ sự nghiệp công có kết cấu gồm **03** phần:

a) Phần I: Nội dung và kết cấu định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ chiếu sáng đô thị, cây xanh đô thị.

b) Phần II: Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ cây xanh đô thị.

c) Phần III: Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ chiếu sáng đô thị.

3. Danh mục định mức:

STT	Mã hiệu định mức	Nội dung	Đơn vị tính
Phần II: Định mức dịch vụ cây xanh đô thị			
Chương I: Duy trì thảm cỏ			
1	CX1.11110	Tưới nước thảm cỏ công viên, vườn hoa bằng máy bơm nước Động cơ xăng 3CV	100m2/lần
2	CX1.11120	Tưới nước thảm cỏ công viên, vườn hoa bằng máy bơm nước Động cơ điện 1,5kw	100m2/lần
3	CX1.11210	Tưới nước thảm cỏ công viên, vườn hoa bằng ô tô tưới nước	100m2/lần
4	CX1.QN.11220	Tưới nước thảm cỏ công viên, vườn hoa bằng ô tô tưới nước 9m3	100m2/lần
5	CX1.QN.11310	Tưới nước thảm cỏ công viên, vườn hoa bằng thủ công	100m2/lần
6	CX1.12110	Tưới nước cỏ tiểu đảo, dải phân cách bằng máy bơm nước Động cơ xăng 3CV	100m2/lần
7	CX1.12120	Tưới nước cỏ tiểu đảo, dải phân cách bằng máy bơm nước Động cơ điện 1,5kw	100m2/lần
8	CX1.12210	Tưới nước cỏ tiểu đảo, dải phân cách bằng ô tô tưới nước	100m2/lần
9	CX1.QN.12220	Tưới nước cỏ tiểu đảo, dải phân cách bằng ô tô tưới nước 9m3	100m2/lần
10	CX1.21100	Phát cỏ bằng máy	100m2/lần
11	CX1.21200	Phát cỏ bằng thủ công	100m2/lần

STT	Mã hiệu định mức	Nội dung	Đơn vị tính
12	CX1.31110	Xén lẻ cỏ (Cỏ lá tre)	100md/lần
13	CX1.31120	Xén lẻ cỏ (Cỏ nhung)	100md/lần
14	CX1.41100	Làm cỏ tạp	100m2/lần
15	CX1.51110	Trồng dặm cỏ (Cỏ lá tre)	1m2/lần
16	CX1.51120	Trồng dặm cỏ (Cỏ nhung)	1m2/lần
17	CX1.61100	Phun thuốc phòng trừ sâu cỏ	100m2/lần
18	CX1.71100	Bón phân cỏ	100m2/lần
Chương II: Duy trì cây trang trí			
19	CX2.11110	Tưới nước bồn hoa, bồn cảnh, cây hàng rào bằng máy bơm nước (Động cơ xăng 3CV)	100m2/lần
20	CX2.11120	Tưới nước bồn hoa, bồn cảnh, cây hàng rào bằng máy bơm nước (Động cơ điện 1,5kw)	100m2/lần
21	CX2.11210	Tưới nước bồn hoa, bồn cảnh, cây hàng rào bằng thủ công	100m2/lần
22	CX2.11310	Tưới nước bồn hoa, bồn cảnh, cây hàng rào bằng ô tô tưới nước	100m2/lần
23	CX2.QN.11320	Tưới nước bồn hoa, bồn cảnh, cây hàng rào bằng ô tô tưới nước 9m3	100m2/lần
24	CX2.12110	Thay hoa bồn hoa (Hoa giống)	100m2/lần
25	CX2.12120	Thay hoa bồn hoa (Hoa giỏ)	100m2/lần
26	CX2.13100	Phun thuốc trừ sâu bồn hoa	100m2/lần
27	CX2.14100	Bón phân và xử lý đất bồn hoa	100m2/lần
28	CX2.15110	Duy trì bồn cảnh (Có hàng rào)	100m2/năm
29	CX2.15120	Duy trì bồn cảnh (Không hàng rào)	100m2/năm
30	CX2.16110	Duy trì cây hàng rào (Hàng rào cao <1m)	100m2/năm
31	CX2.16120	Duy trì cây hàng rào (Hàng rào cao $\geq$ 1m)	100m2/năm
32	CX2.17100	Trồng dặm cây hàng rào	1m2 trồng dặm/lần

STT	Mã hiệu định mức	Nội dung	Đơn vị tính
33	CX2.21110	Tưới nước cây cảnh ra hoa, cây cảnh tạo hình bằng máy bơm nước (Động cơ xăng 3CV)	100cây/lần
34	CX2.21120	Tưới nước cây cảnh ra hoa, cây cảnh tạo hình bằng máy bơm nước (Động cơ điện 1,5kw)	100cây/lần
35	CX2.21210	Tưới nước cây cảnh ra hoa, cây cảnh tạo hình bằng thủ công	100cây/lần
36	CX2.21310	Tưới nước cây cảnh ra hoa, cây cảnh tạo hình bằng ô tô tưới nước	100cây/lần
37	CX2.QN.21320	Tưới nước cây cảnh ra hoa, cây cảnh tạo hình bằng ô tô tưới nước 9m ³	100cây/lần
38	CX2.22100	Duy trì cây cảnh trở hoa	100cây/năm
39	CX2.22200	Trồng dặm cây cảnh trở hoa	100cây
40	CX2.23100	Duy trì cây cảnh tạo hình	100cây/năm
41	CX2.QN.24110	Trồng dặm cây tạo hình (kích thước bầu 30x30cm)	1cây/lần
42	CX2.31110	Tưới nước cây cảnh trồng chậu bằng máy bơm nước Động cơ xăng 3CV	100 chậu/lần
43	CX2.31120	Tưới nước cây cảnh trồng chậu bằng máy bơm nước Động cơ điện 1,5kw	100 chậu/lần
44	CX2.31210	Tưới nước cây cảnh trồng chậu bằng thủ công	100 chậu/lần
45	CX2.31310	Tưới nước cây cảnh trồng chậu bằng ô tô tưới nước	100 chậu/lần
46	CX2.QN.31320	Tưới nước cây cảnh trồng chậu bằng ô tô tưới nước 9m ³	100cây/lần
47	CX2.32100	Thay đất, phân chậu cảnh	100 chậu/lần
48	CX2.33100	Duy trì cây cảnh trồng chậu	100 chậu/năm
49	CX2.34100	Trồng dặm cây cảnh trồng chậu	100 chậu trồng dặm
50	CX2.35100	Thay chậu hỏng, vỡ	100 chậu/lần
51	CX2.41100	Duy trì cây leo	10 cây/lần
52	CX2.QN.41210	Tưới nước cây leo bằng thủ công	10cây/lần

STT	Mã hiệu định mức	Nội dung	Đơn vị tính
53	CX2.QN.41310	Tưới nước cây leo bằng ô tô tưới nước	10cây/lần
54	CX2.QN.51110	Tưới nước cây thân bók bẹ chiều cao $h \leq 2m$ bằng thủ công	100cây/lần
55	CX2.QN.51210	Tưới nước cây thân bók bẹ chiều cao $h \leq 2m$ bằng ô tô tưới nước	100cây/lần
56	CX2.QN.52110	Duy trì chăm sóc cây thân bók bẹ chiều cao $h \leq 2m$	cây/năm
57	CX2.QN.52210	Duy trì chăm sóc cây thân bók bẹ chiều cao $h > 2m$	cây/năm
58	CX2.QN.52310	Duy trì cây sanh si tạo hình ($h = 4-6 m$, đường kính thân 8-10 cm, hình con vật, hình khối ...)	cây/năm
Chương III: Duy trì cây bóng mát			
59	CX3.11110	Duy trì cây bóng mát mới trồng	1cây/năm
60	CX3.11210	Duy trì cây bóng mát loại 1	1cây/năm
61	CX3.11310	Duy trì cây bóng mát loại 2	1cây/năm
62	CX3.11410	Duy trì cây bóng mát loại 3	1cây/năm
63	CX3.QN.11510	Trồng dặm cây bóng mát loại 1	1cây/lần
64	CX3.21100	Duy trì thâm cõ gốc cây bóng mát	1 bồn/năm
65	CX3.31110	Giải toả cành cây gãy (Cành cây $d \leq 20cm$)	1 cành/lần
66	CX3.31120	Giải toả cành cây gãy (Cành cây $d \leq 50cm$)	1 cành/lần
67	CX3.31130	Giải toả cành cây gãy (Cành cây $d > 50cm$)	1 cành/lần
68	CX3.31210	Giải toả cây gãy, đổ (Cây loại 1)	1 cây/lần
69	CX3.31220	Giải toả cây gãy, đổ (Cây loại 2)	1 cây/lần
70	CX3.31230	Giải toả cây gãy, đổ (Cây loại 3)	1 cây/lần
71	CX3.31310	Chặt hạ cây bị bệnh hoặc già cỗi không đảm bảo an toàn (Cây loại 1)	1 cây
72	CX3.31320	Chặt hạ cây bị bệnh hoặc già cỗi không đảm bảo an toàn (Cây loại 2)	1 cây
73	CX3.31330	Chặt hạ cây bị bệnh hoặc già cỗi không đảm bảo an toàn (Cây loại 3)	1 cây

STT	Mã hiệu định mức	Nội dung	Đơn vị tính
74	CX3.41110	Cắt thấp tán, không chế chiều cao cây (Cây loại 1)	1 cây/lần
75	CX3.41120	Cắt thấp tán, không chế chiều cao cây (Cây loại 2)	1 cây/lần
76	CX3.41130	Cắt thấp tán, không chế chiều cao cây (Cây loại 3)	1 cây/lần
77	CX3.51110	Quét vôi gốc cây (Cây loại 1)	1 cây
78	CX3.51120	Quét vôi gốc cây (Cây loại 2)	1 cây
79	CX3.51130	Quét vôi gốc cây (Cây loại 3)	1 cây
Chương IV: Duy trì vệ sinh			
80	CX4.QN.11110	Bảo vệ công viên	ha/ngày đêm
81	CX4.QN.21110	Duy trì hệ thống đài phun nước công cộng	trạm/ngày
82	CX4.QN.31110	Thay nước đài phun nước công cộng	m3 bể/lần
Chương V: Trang trí phục vụ lễ tết			
83	CX5.QN.51110	Xếp chậu hoa (d=15cm) vào vị trí trang trí sự kiện, lễ hội phục vụ công cộng	chậu
84	CX5.QN.51120	Xếp chậu hoa (15<d≤30cm) vào vị trí trang trí sự kiện, lễ hội phục vụ công cộng	chậu
Chương VI: Công tác trồng cây xanh			
85	CX6.QN.11110	Khảo sát, định vị vị trí trồng cây	1 vị trí
86	CX6.QN.11120	Phá dỡ nền, hè (bê tông, gạch vờ)	1 m3
87	CX6.QN.11130	Đào đất hố trồng cây bằng thủ công	1 m3
88	CX6.QN.111401	Vận chuyển đất, phân hữu cơ trồng cây (KT: 50x50x50)	1 hố
89	CX6.QN.111402	Vận chuyển đất, phân hữu cơ trồng cây (KT: 80x80x80)	1 hố
90	CX6.QN.111403	Vận chuyển đất, phân hữu cơ trồng cây (KT: 100x100x100)	1 hố
91	CX6.QN.11150	Phát quang, làm cỏ tạp, chuẩn bị mặt bằng	100m2
92	CX6.QN.111601	Trồng mới cây xanh (d=40)	1 cây

STT	Mã hiệu định mức	Nội dung	Đơn vị tính
93	CX6.QN.111602	Trồng mới cây xanh (d=60)	1 cây
94	CX6.QN.111603	Trồng mới cây xanh (d=70)	1 cây
95	CX6.QN.111701	Bảo dưỡng cây xanh sau khi trồng (bằng nước giếng khoan, máy bơm)	1 cây/90 ngày
96	CX6.QN.111702	Bảo dưỡng cây xanh sau khi trồng (bằng nước máy tưới thủ công)	1 cây/90 ngày
97	CX6.QN.111703	Bảo dưỡng cây xanh sau khi trồng (bằng xe bồn)	1 cây/90 ngày

Phần III: Định mức dịch vụ chiếu sáng đô thị

Chương I: Duy trì lưới điện chiếu sáng			
1	CS1.11110	Thay bóng cao áp bằng máy ($H < 12m$)	20 bóng
2	CS1.11120	Thay bóng cao áp bằng máy ($12m \leq H < 18m$)	20 bóng
3	CS1.11130	Thay bóng cao áp bằng máy ($18m \leq H < 24m$)	20 bóng
4	CS1.11140	Thay bóng cao áp bằng máy ($24m \leq H < 32m$)	20 bóng
5	CS1.12110	Thay bóng cao áp bằng thủ công	20 bóng
6	CS1.13110	Thay bóng đèn ống (Bằng máy)	20 bóng
7	CS1.13120	Thay bóng đèn ống (Bằng thủ công)	20 bóng
8	CS1.21110	Thay bộ đèn bằng máy (không bao gồm đèn cao áp) Đèn đơn $H < 12m$	10 bộ
9	CS1.21120	Thay bộ đèn bằng máy (không bao gồm đèn cao áp) Đèn đơn $12m \leq H < 18m$	10 bộ
10	CS1.21130	Thay bộ đèn bằng máy (không bao gồm đèn cao áp) Đèn đơn $18m \leq H < 24m$	10 bộ
11	CS1.21140	Thay bộ đèn bằng máy (không bao gồm đèn cao áp) Đèn đơn $24m \leq H < 3m$	10 bộ
12	CS1.21150	Thay bộ đèn bằng máy (không bao gồm đèn cao áp) Lốp kép $H \leq 12m$	10 bộ
13	CS1.21160	Thay bộ đèn bằng máy (không bao gồm đèn cao áp) Lốp kép $12m \leq H < 18m$	10 bộ

STT	Mã hiệu định mức	Nội dung	Đơn vị tính
14	CS1.21170	Thay bộ đèn bằng máy (không bao gồm đèn cao áp) Lớp kép $18m \leq H < 24m$	10 bộ
15	CS1.22110	Thay bộ đèn bằng thủ công (không bao gồm đèn cao áp)	10 bộ
16	CS1.31110	Thay chấn lưu, bộ mối và bóng đèn đồng bộ bằng máy $H < 12m$	01 bộ
17	CS1.31120	Thay chấn lưu, bộ mối và bóng đèn đồng bộ bằng máy $12m \leq H < 18m$	01 bộ
18	CS1.31130	Thay chấn lưu, bộ mối và bóng đèn đồng bộ bằng máy $18m \leq H < 24m$	01 bộ
19	CS1.31140	Thay chấn lưu, bộ mối và bóng đèn đồng bộ bằng máy $24m \leq H < 30m$	01 bộ
20	CS1.32110	Thay chấn lưu, bộ mối và bóng đèn đồng bộ bằng thủ công	01 bộ
21	CS1.41110	Thay bộ xà đơn dài $> 1m$ có sứ bằng máy	01 bộ
22	CS1.41210	Thay bộ xà đơn dài $\leq 1m$ có sứ bằng máy	01 bộ
23	CS1.41310	Thay bộ xà đơn dài $> 1m$ không sứ, không dây (bằng máy)	01 bộ
24	CS1.41320	Thay bộ xà đơn dài $> 1m$ không sứ, không dây (Thủ công)	01 bộ
25	CS1.41410	Thay bộ xà đơn dài $\leq 1m$ không sứ, không dây (bằng máy)	01 bộ
26	CS1.41420	Thay bộ xà đơn dài $\leq 1m$ không sứ, không dây (Thủ công)	01 bộ
27	CS1.42110	Thay cần đèn cao áp, chụp liền cần, chụp ống phóng đơn, chụp ống phóng kép bằng máy (Cần chữ L hoặc cần chữ S)	01 bộ
28	CS1.42120	Thay cần đèn cao áp, chụp liền cần, chụp ống phóng đơn, chụp ống phóng kép bằng máy (Chụp liền cần hoặc Chụp ống phóng đơn, kép)	01 bộ
29	CS1.42210	Thay cần đèn cao áp bằng thủ công	01 bộ
30	CS1.42310	Thay cần đèn chao cao áp Bằng máy	01 bộ

STT	Mã hiệu định mức	Nội dung	Đơn vị tính
31	CS1.42320	Thay cần đèn chao cao áp Thủ công	01 bộ
32	CS1.51110	Thay dây lên đèn bằng máy	40m
33	CS1.52110	Thay cáp treo Bằng máy	40m
34	CS1.52120	Thay cáp treo Thủ công	40m
35	CS1.52210	Thay cáp ngầm (Hè phố)	40m
36	CS1.52220	Thay cáp ngầm (Đường nhựa, bê tông)	40m
37	CS1.52310	Nối cáp ngầm (Hè phố)	1 mỗi nối
38	CS1.52320	Nối cáp ngầm (Đường nhựa, bê tông)	1 mỗi nối
39	CS1.53110	Thay tủ điện	1 tủ
40	CS1.54110	Thay cột đèn (Cột BT li tâm, cột BT chữ H)	1 cột
41	CS1.54120	Thay cột đèn (Cột sắt)	1 cột
42	CS1.61110	Sơn cột sắt (có chiều cao 8 ÷ 9,5m)	1 cột
43	CS1.62110	Sơn chụp, sơn cần đèn	1 cột
44	CS1.63110	Sơn cột đèn chùm (Bằng máy)	1 cột
45	CS1.63120	Sơn cột đèn chùm (Thủ công)	1 cột
46	CS1.64110	Sơn cột đèn 1 cầu, đèn chùa, đèn vương miện bằng thủ công	1 cột
47	CS1.65110	Sơn tủ điện (bao gồm sơn giá đỡ tủ)	1 tủ
48	CS1.71110	Thay sứ cũ	1 quả sứ
49	CS1.81110	Duy trì choá đèn cao áp, kính đèn cao áp, đèn cầu, đèn lồng bằng máy ($H < 12m$)	01 bộ
50	CS1.81120	Duy trì choá đèn cao áp, kính đèn cao áp, đèn cầu, đèn lồng bằng máy ($12m \leq H < 18m$)	01 bộ
51	CS1.81130	Duy trì choá đèn cao áp, kính đèn cao áp, đèn cầu, đèn lồng bằng máy ($18m \leq H < 24m$)	01 bộ
52	CS1.81140	Duy trì choá đèn cao áp, kính đèn cao áp, đèn cầu, đèn lồng bằng máy ($24m \leq H < 30m$)	01 bộ

STT	Mã hiệu định mức	Nội dung	Đơn vị tính
53	CS1.91110	Thay quả cầu nhựa hoặc thủy tinh Bằng máy	1 quả
54	CS1.91120	Thay quả cầu nhựa hoặc thủy tinh Thủ công	1 quả
Chương II: Duy trì trạm đèn chiếu sáng			
55	CS2.11110	Duy trì trạm đèn bằng đồng hồ hẹn giờ hoặc bằng thiết bị trung tâm điều khiển và giám sát: Duy trì trạm 1 chế độ	1 trạm/ngày
56	CS2.12110	Duy trì trạm đèn bằng đồng hồ hẹn giờ hoặc bằng thiết bị trung tâm điều khiển và giám sát: Duy trì trạm 2 chế độ	1 trạm/ngày
57	CS2.21110	Thay modem; thay bộ điều khiển PLC MASTER; thay bộ điều khiển PLC, RTU; thay bộ đo điện áp và dòng điện (Tranducer)	01 bộ
58	CS2.22110	Thay bộ đo dòng điện (TI)	1 bộ
59	CS2.23110	Thay bộ đo dòng điện Coupler (Ngoài lưới)	1 bộ
60	CS2.23120	Thay bộ đo dòng điện Coupler (Trong tủ điều khiển)	1 bộ
61	CS2.24110	Thay tủ điều khiển khu vực	1 bộ
62	CS2.31110	Thay thế phần điều khiển giám sát trung tâm tại tủ điều khiển chiếu sáng	1 bộ
63	CS2.32110	Xử lý mất truyền thông tin (tín hiệu) giữa các tủ	1 lần xử lý
64	CS2.33110	Lựa chọn pha truyền thông để đồng bộ hóa tín hiệu giữa các tủ (do thay TBA, thay cáp nguồn).	1 lần lựa chọn
65	CS2.34110	Thay mạch hiển thị (board mạch) trên bảng hiện thị	1 lần lựa chọn
66	CS2.35110	Xử lý sự cố máy tính tại trung tâm	1 lần xử lý
Chương III: Công tác duy trì hệ thống chiếu sáng đô thị			
67	CS.QN.11010	Nắn chỉnh cột điện nghiêng, xoay, cong vênh	1 cột
68	CS.QN.12010	Cắn chỉnh cần đèn, bóng đèn xoay	1 cần
69	CS.QN.13010	Thay đèn âm đất	1 bộ

STT	Mã hiệu định mức	Nội dung	Đơn vị tính
70	CS.QN.14010	Thay bảng điện cửa cột	1 cái
71	CS.QN.15010	Thay nắp cửa cột	1 cái
72	CS.QN.16010	Đánh số cột đèn bằng sơn	cột
73	CS.QN.17010	Thay vỏ tủ điện điều khiển chiếu sáng	1 cái
74	CS.QN.18010	Thay ắc quy lưu điện	1 thiết bị
75	CS.QN.19010	Thay thế tủ điều khiển chiếu sáng	1 tủ
76	CS.QN.20010	Thay thế dây đèn trang trí thả ngoài trời bằng máy	20m
77	CS.QN.21010	Thay thế dây đèn trang trí thả ngoài trời bằng thủ công	20m
78	CS.QN.22010	Thay thế dây đèn trang trí cuốn xung quanh cây	20m
79	CS.QN.23010	Tháo hạ cột để luồn dây lên đèn, lắp dựng lại cột chiều cao $\leq 12m$	20m
80	CS.QN.24010	Thay thế đèn pha trang trí dưới đất	cái
81	CS.QN.25010	Thay cáp ngầm (không đào rãnh cáp, rút cáp ngầm thay cáp)	40m
82	CS.QN.26010	Thay cột đèn trang trí chiều cao $H \leq 4m$	cột
83	CS.QN.27010	Thay thế đèn cầu trang trí trên cột cao chiều cao $H \leq 4m$	20 bóng
84	CS.QN.28010	Thay thế các thiết bị nguồn, chông sét dưới đất	bộ
85	CS.QN.29010	Thay thế đèn trang trí ngang thân cột điện chiếu sáng	bộ
86	CS.QN.30010	Bảo dưỡng động cơ các cột đèn pha có giàn nâng hạ	cột
87	CS.QN.31010	Tháo hạ cột đèn pha bằng động cơ	cột
88	CS.QN.32010	Quản lý đèn tín hiệu giao thông	nút
89	CS.QN.33110	Lau chùi đèn mặt cầu, chân trụ	10 đèn/lần
90	CS.QN.33210	Lau chùi đèn trên giá cao	10 đèn/lần
91	CS.QN.33310	Lau chùi đèn Led thanh chiếu hắt đáy dầm	10 đèn/lần

Điều 3. Hướng dẫn áp dụng

Trường hợp sử dụng các định mức kinh tế - kỹ thuật ban hành kèm theo Quyết định này trong việc lập và quản lý chi phí dịch vụ sự nghiệp công chiếu sáng đô thị, cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh đề nghị Chủ đầu tư, nhà thầu đánh giá sự phù hợp của thành phần công việc, hao phí định mức so với yêu cầu kỹ thuật, điều kiện thi công và biện pháp thi công thực hiện dịch vụ chiếu sáng đô thị, cây xanh đô thị để xem xét quyết định việc tham khảo, vận dụng cho phù hợp, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả trong quản lý chi phí dịch vụ sự nghiệp công chiếu sáng đô thị, cây xanh đô thị.

PHẦN II

ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT DỊCH VỤ CÂY XANH ĐÔ THỊ

CHƯƠNG I: DUY TRÌ THẢM CỎ

CX1.10000 Tưới nước thảm cỏ công viên, vườn hoa, tiểu đảo, dải phân cách

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị, vận chuyển vật liệu, dụng cụ lao động đến nơi làm việc.
- Dùng vòi phun cầm tay, tưới đều ướt đầm thảm cỏ, tùy theo địa hình từng khu vực, nước tưới lấy từ nguồn tại chỗ hoặc bằng ô tô tưới nước.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc.
- Chùi rửa, cất dụng cụ lao động tại nơi quy định.
- Đảm bảo an toàn lao động, an toàn giao thông trong quá trình thực hiện.

CX1.11000 Tưới nước thảm cỏ công viên, vườn hoa

CX1.11100 Tưới nước thảm cỏ công viên, vườn hoa bằng máy bơm nước

Đơn vị tính: 100m²/lần

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Động cơ xăng 3CV	Động cơ điện 1,5kw
CX1.111	Tưới nước thảm cỏ công viên, vườn hoa bằng máy bơm nước	<i>Vật liệu:</i>			
		- Nước	m ³	0,5	0,5
		<i>Nhân công:</i>			
		- Bạc thợ 3/7	công	0,068	0,09
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i>			
		- Máy bơm nước	ca	0,061	0,081
				10	20

CX1.11200 Tưới nước thảm cỏ công viên, vườn hoa bằng ô tô tưới nước

Đơn vị tính: 100m²/lần

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CX1.112	Tưới nước thảm cỏ công viên, vườn hoa bằng ô tô tưới nước	<i>Vật liệu:</i>		
		- Nước	m ³	0,5
		<i>Nhân công:</i>		
		- Bạc thợ 3/7	công	0,099
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i>		
		- Ô tô tưới nước 5m ³	ca	0,0297
				10

CX1.QN.11220 Tưới nước thấm cỏ công viên, vườn hoa bằng ô tô tưới nước 9m3

Đơn vị tính: 100m2/lần

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CX1.QN.112	Tưới nước thấm cỏ công viên, vườn hoa bằng ô tô tưới nước 9m3	<i>Vật liệu:</i>		
		- Nước	m3	0,5
		<i>Nhân công:</i>		
		- Bậc thợ 3/7	công	0,0828
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i>		
		- Ô tô tưới nước 9m3	ca	0,0155
				20

CX1.QN.11310 Tưới nước thấm cỏ bằng thủ công

Đơn vị tính: 100m2/lần

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CX1.QN.113	Tưới nước thấm cỏ bằng thủ công	<i>Vật liệu:</i>		
		- Nước	m3	0,5
		<i>Nhân công:</i>		
		- Bậc thợ 3/7	công	0,1134
				10

CX1.12000 Tưới nước cỏ tiểu đảo, dải phân cách**CX1.12100 Tưới nước cỏ tiểu đảo, dải phân cách bằng máy bơm nước**

Đơn vị tính: 100m2/lần

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Động cơ xăng 3CV	Động cơ điện 1,5kw
CX1.121	Tưới nước cỏ tiểu đảo, dải phân cách bằng máy bơm nước	<i>Vật liệu:</i>			
		- Nước	m3	0,6	0,6
		<i>Nhân công:</i>			
		- Bậc thợ 3/7	công	0,099	0,108
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i>			
		- Máy bơm nước	ca	0,081	0,097
				10	20

CX1.12200 Tưới nước cỏ tiểu đảo, dải phân cách bằng ô tô tưới nướcĐơn vị tính: 100m²/lần

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CX1.122	Tưới nước cỏ tiểu đảo, dải phân cách bằng ô tô tưới nước	<i>Vật liệu:</i>		
		- Nước	m ³	0,6
		<i>Nhân công:</i>		
		- Bạc thợ 3/7	công	0,09
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i>		
		- Ô tô tưới nước 5m ³	ca	0,0324
				10

CX1.QN.12220 Tưới nước cỏ tiểu đảo, dải phân cách bằng ô tô tưới nước 9m³Đơn vị tính: 100m²/lần

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CX1.QN.122	Tưới nước cỏ tiểu đảo, dải phân cách bằng ô tô tưới nước 9m ³	<i>Vật liệu:</i>		
		- Nước	m ³	0,6
		<i>Nhân công:</i>		
		- Bạc thợ 3/7	công	0,0896
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i>		
		- Ô tô tưới nước 9m ³	ca	0,0160
				20

CX1.21000 Phát cỏ*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị, vận chuyển vật liệu, dụng cụ lao động đến nơi làm việc.
- Phát cỏ thường xuyên, đảm bảo cỏ luôn bằng phẳng và chiều cao cỏ tùy theo địa hình và điều kiện chăm sóc từng vị trí mà dùng máy cắt cỏ, phan hoặc dùng liềm.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc, thu dọn cỏ rác trong phạm vi 30m.

Yêu cầu kỹ thuật:

- Duy trì cỏ luôn bằng phẳng và đảm bảo chiều cao đồng đều.

CX1.21100 Phát cỏ bằng máyĐơn vị tính: 100m²/lần

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CX1.211	Phát cỏ bằng máy	Nhân công:		
		- Bạc thợ 3,5/7	công	0,145
		Xe, máy, thiết bị thi công:		
		- Máy cắt cỏ động cơ xăng 3 CV	ca	0,0603
				10

CX1.21200 Phát cỏ bằng thủ côngĐơn vị tính: 100m²/lần

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CX1.212	Phát cỏ bằng thủ công	<i>Nhân công:</i>		
		- Bạc thợ 3,5/7	công	0,45
				10

CX1.31100 Xén lẻ cỏ*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị, vận chuyển vật liệu, dụng cụ lao động đến nơi làm việc.
- Xén thẳng lẻ cỏ theo chu vi khu vực, theo yêu cầu kỹ thuật.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc, thu dọn cỏ rác trong phạm vi 30m.
- Chùi rửa, cất dụng cụ lao động vào nơi quy định.

Đơn vị tính: 100m²/lần

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Cỏ lá tre	Cỏ nhung
CX1.311	Xén lẻ cỏ	<i>Nhân công:</i>			
		- Bạc thợ 3,5/7	công	0,30	0,45
				10	20

CX1.41100 Làm cỏ tạp*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị, vận chuyển vật liệu, dụng cụ lao động đến nơi làm việc.
- Nhổ sạch cỏ khác lẫn trong cỏ theo yêu cầu kỹ thuật.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc, thu dọn cỏ rác trong phạm vi 30m.
- Chùi rửa, cất dụng cụ lao động vào nơi quy định.

Đơn vị tính: 100m²/lần

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CX1.411	Làm cỏ tạp	<i>Nhân công:</i> - Bậc thợ 3,5/7	công	0,30
				10

CX1.51100 Trồng dặm cỏ

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị, vận chuyển vật liệu, dụng cụ lao động đến nơi làm việc.
- Thay thế các chỗ cỏ chết hoặc bị dẫm nát, cỏ trồng dặm cùng giống với cỏ hiện hữu.
- Đảm bảo sau khi trồng dặm thảm cỏ được phủ kín không bị mất khoảng.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc, thu dọn cỏ rác trong phạm vi 30m.
- Chùi rửa, cất dụng cụ lao động vào nơi quy định.

Yêu cầu kỹ thuật:

- Đảm bảo thảm cỏ sau khi trồng dặm được phủ đều không bị mất khoảng.

Đơn vị tính: 1m²/lần

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Cỏ lá tre	Cỏ nhung
CX1.511	Trồng dặm cỏ	<i>Vật liệu:</i> - Cỏ - Nước - Phân vi sinh <i>Nhân công:</i> - Bậc thợ 3,5/7	m ² m ³ kg công	1,0 0,049 0,2 0,137	1,0 0,015 0,2 0,077
				10	20

CX1.61100 Phun thuốc phòng trừ sâu cỏ

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị, vận chuyển vật liệu, dụng cụ lao động đến nơi làm việc.
- Pha thuốc, phun thuốc theo quy định.
- Chùi rửa, cất dụng cụ lao động vào nơi quy định.
- Đảm bảo an toàn lao động, an toàn môi trường trong quá trình thực hiện.

Đơn vị tính: 100m2/lần

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CX1.611	Phun thuốc phòng trừ sâu cỏ	<i>Vật liệu:</i>		
		- Thuốc trừ sâu	lít	0,015
		<i>Nhân công:</i>		
		- Bạc thợ 3,5/7	công	0,071
				10

CX1.71100 Bón phân cỏ

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị, vận chuyển vật liệu, dụng cụ lao động đến nơi làm việc.
- Rải đều phân trên toàn bộ diện tích cỏ.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc.

Yêu cầu kỹ thuật:

- Sau khi bón phân cỏ phát triển xanh tốt. Đảm bảo không gây mất mỹ quan đô thị và ô nhiễm môi trường.

Đơn vị tính: 100m2/lần

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CX1.711	Bón phân cỏ	<i>Vật liệu:</i>		
		- Phân vi sinh	kg	3,0
		<i>Nhân công:</i>		
		- Bạc thợ 3,5/7	công	0,09
				10

CHƯƠNG II: DUY TRÌ CÂY TRANG TRÍ

CX2.10000 Duy trì bồn hoa, bồn cảnh, cây hàng rào

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị, vận chuyển vật liệu, dụng cụ lao động đến nơi làm việc.
- Dùng vòi phun cầm tay, tưới đều nước ướt đầm đất tại gốc cây, kết hợp phun nhẹ rửa sạch lá tùy theo địa hình từng khu vực, nước tưới lấy nguồn cung cấp của thành phố tưới tại chỗ hoặc bằng ô tô tưới nước.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc, thu dọn rác thải trong phạm vi 30m.
- Chùi rửa, cất dụng cụ lao động tại nơi quy định.

Yêu cầu kỹ thuật:

- Đảm bảo đủ lượng nước tưới cho cây sinh trưởng tốt.

CX2.11000 Tưới nước bồn hoa, bồn cảnh, cây hàng rào**CX2.11100 Tưới nước bồn hoa, bồn cảnh, cây hàng rào bằng máy bơm nước**Đơn vị tính: 100m²/lần

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Động cơ xăng 3CV	Động cơ điện 1,5kw
CX2.111	Tưới nước bồn hoa, bồn cảnh, cây hàng rào bằng máy bơm nước	<i>Vật liệu:</i>			
		- Nước	m ³	0,5	0,5
		<i>Nhân công:</i>			
		- Bạc thợ 3/7	công	0,072	0,09
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i>			
		- Máy bơm nước	ca	0,065	0,081
				10	20

CX2.11200 Tưới nước bồn hoa, bồn cảnh, cây hàng rào bằng thủ côngĐơn vị tính: 100m²/lần

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CX2.112	Tưới nước bồn hoa, bồn cảnh, cây hàng rào bằng thủ công	<i>Vật liệu:</i>		
		- Nước	m ³	0,5
		<i>Nhân công:</i>		
		- Bạc thợ 3/7	công	0,145
				10

CX2.113000 Tưới nước bồn hoa, bồn cảnh, cây hàng rào bằng ô tô tưới nướcĐơn vị tính: 100m²/lần

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CX2.113	Tưới nước bồn hoa, bồn cảnh, cây hàng rào bằng ô tô tưới nước	<i>Vật liệu:</i>		
		- Nước	m ³	0,5
		<i>Nhân công:</i>		
		- Bạc thợ 3/7	công	0,10
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i>		
		- Ô tô tưới nước 5m ³	ca	0,03
				10

CX2.QN.11320 Tưới nước bồn hoa, bồn cảnh, cây hàng rào bằng ô tô tưới nước 9m3*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị, vận chuyển vật liệu, dụng cụ lao động đến nơi làm việc.
- Dùng vòi tưới đều nước ướt đầm đất tại gốc cây, kết hợp phun nhẹ rửa sạch lá tùy theo địa hình từng khu vực bằng ô tô tưới nước.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc.
- Chùi rửa, cất dụng cụ lao động tại nơi quy định.
- Đảm bảo an toàn lao động, an toàn giao thông trong quá trình thực hiện.

Đơn vị tính: 100m2/lần

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CX2.QN.113	Tưới nước bồn hoa, bồn cảnh, cây hàng rào bằng ô tô tưới nước 9m3	<i>Vật liệu:</i>		
		- Nước	m3	0,5
		<i>Nhân công:</i>		
		- Bậc thợ 3/7	công	0,0998
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i>		
		- Ô tô tưới nước 9m3	ca	0,0182
				20

CX2.12100 Thay hoa bồn hoa*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị vận chuyển vật liệu, dụng cụ lao động đến nơi làm việc.
- Nhổ sạch hoa tàn, dùng cuốc xẻng xới tơi đất, san bằng mặt bồn theo đúng quy trình.
- Trồng hoa theo chủng loại được chọn, dùng vòi sen nhỏ tưới nhẹ sau khi trồng.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc, thu dọn rác thải trong phạm vi 30m.
- Chùi rửa, cất dụng cụ lao động tại nơi quy định.

Yêu cầu kỹ thuật:

- Cây sau khi trồng đảm bảo phát triển sinh trưởng bình thường, lá xanh tươi, không sâu bệnh.

Đơn vị tính: 100m2/lần

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Hoa giống	Hoa giỏ
CX2.121	Thay hoa bồn hoa	<i>Vật liệu:</i>			
		- Hoa giống	cây	2500	-
		- Hoa giỏ	giỏ	-	1600
		<i>Nhân công:</i>			
		- Bậc thợ 3,5/7	công	3,0	2,7
				10	20

CX2.13100 Phun thuốc trừ sâu bồn hoa

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị vận chuyển vật liệu, dụng cụ lao động đến nơi làm việc.
- Pha thuốc, phun thuốc theo quy định.
- Chùi rửa, cất dụng cụ lao động tại nơi quy định.
- Đảm bảo an toàn lao động, an toàn môi trường trong quá trình thực hiện.

Đơn vị tính: 100m²/lần

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CX2.131	Phun thuốc trừ sâu bồn hoa	<i>Vật liệu:</i>		
		- Thuốc trừ sâu	lít	0,015
		<i>Nhân công:</i>		
		- Bạc thợ 3,5/7	công	0,167
				10

CX2.14100 Bón phân và xử lý đất bồn hoa

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị, vận chuyển vật liệu, dụng cụ lao động đến nơi làm việc.
- Trộn phân với thuốc xử lý đất theo đúng tỷ lệ.
- Bón đều phân vào gốc cây.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc, thu dọn rác thải.
- Chùi rửa, cất dụng cụ lao động tại nơi quy định.

Yêu cầu kỹ thuật:

- Sau khi bón phân hoa phát triển xanh tốt. Đảm bảo không gây mất mỹ quan đô thị và ô nhiễm môi trường.

Đơn vị tính: 100m²/lần

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CX2.141	Bón phân và xử lý đất bồn hoa	<i>Vật liệu:</i>		
		- Phân vi sinh	kg	5
		- Thuốc xử lý đất	kg	0,2
		<i>Nhân công:</i>		
		- Bạc thợ 3,5/7	công	0,301
				10

CX2.15100 Duy trì bồn cảnh

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị, vận chuyển vật liệu, dụng cụ lao động đến nơi làm việc.
- Nhổ bỏ gốc cây xấu, xới đất, trồng dặm.
- Nhổ bỏ cỏ dại; cắt tỉa bấm ngọn.
- Bón phân vi sinh.
- Phun thuốc trừ sâu cho cây.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc.
- Chùi rửa, cất dụng cụ lao động tại nơi quy định.

Yêu cầu kỹ thuật:

- Bồn cảnh không còn sâu bệnh, cây phát triển tốt.

Đơn vị tính: 100m²/năm

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Có hàng rào	Không hàng rào
CX2.151	Duy trì bồn cảnh	<i>Vật liệu:</i>			
		- Cây cảnh	cây	320	480
		- Phân vi sinh	kg	8,5	12
		- Thuốc trừ sâu	lít	0,05	0,06
		<i>Nhân công:</i>			
		- Bạc thợ 3,5/7	công	17,73	22,31
				10	20

CX2.16100 Duy trì cây hàng rào

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị, vận chuyển vật liệu, dụng cụ lao động đến nơi làm việc.
- Cắt sửa hàng rào vuông thành sắc cạnh, đảm bảo độ cao quy định, làm cỏ vun gốc.
- Bón phân vi sinh.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc.
- Chùi rửa, cất dụng cụ lao động tại nơi quy định.

Yêu cầu kỹ thuật:

- Cây hàng rào đảm bảo liên tục, không đứt đoạn, sắc nét, đảm bảo độ cao, chiều rộng theo thiết kế.
- Cây hàng rào lá xanh, không sâu bệnh, chân hàng rào không có rác, cỏ cây dại.
- Đảm bảo an toàn lao động, an toàn giao thông trong quá trình thực hiện.

Đơn vị tính: 100m²/năm

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Hàng rào cao <1m	Hàng rào cao ≥ 1m
CX2.161	Duy trì cây hàng rào	<i>Vật liệu:</i>			
		- Phân vi sinh	kg	6,7	6,7
		<i>Nhân công:</i>			
		- Bậc thợ 3,5/7	công	12,15	19,3
				10	20

Ghi chú: Diện tích tính toán theo diện tích mặt trên của hàng rào.

CX2.17100 Trồng dặm cây hàng rào

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị, vận chuyển vật liệu, dụng cụ lao động đến nơi làm việc.
- Nhổ bỏ gốc cây xấu, xới đất, trồng dặm.
- Nhổ bỏ cỏ dại; cắt tỉa bấm ngọn, bón phân vi sinh.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc.
- Chùi rửa, cất dụng cụ lao động tại nơi quy định.

Yêu cầu kỹ thuật:

- Đảm bảo cây phát triển tốt.

Đơn vị tính: 1m² trồng dặm/lần

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CX2.171	Trồng dặm cây hàng rào	<i>Vật liệu:</i>		
		- Cây giống	bịch	25
		- Nước	m ³	0,15
		- Phân vi sinh	kg	3,6
		<i>Nhân công:</i>		
		- Bậc thợ 3,5/7	công	0,036
				10

CX2.20000 Duy trì cây cảnh ra hoa, cây cảnh tạo hình**CX2.21000 Tưới nước cây cảnh ra hoa, cây cảnh tạo hình***Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị, vận chuyển vật liệu, dụng cụ lao động đến nơi làm việc.
- Dùng vòi phun cầm tay, tưới đều nước ướt đầm gốc cây, kết hợp phun nhẹ rửa sạch lá tùy theo địa hình theo khu vực, nước tưới lấy từ nguồn tại chỗ hoặc bằng ô tô tưới nước.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc.
- Chùi rửa, cất dụng cụ lao động tại nơi quy định.

Yêu cầu kỹ thuật:

- Đảm bảo đủ lượng nước cho cây sinh trưởng tốt.

CX2.21100 Tưới nước cây cảnh ra hoa, cây cảnh tạo hình bằng máy bơm nước

Đơn vị tính: 100cây/lần

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Động cơ xăng 3CV	Động cơ điện 1,5kw
CX2.211	Tưới nước cây cảnh ra hoa, cây cảnh tạo hình bằng máy bơm nước	<i>Vật liệu:</i>			
		- Nước	m3	0,5	0,5
		<i>Nhân công:</i>			
		- Bạc thợ 3/7	công	0,068	0,09
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i>			
		- Máy bơm nước	ca	0,061	0,081
				10	20

CX2.21200 Tưới nước cây cảnh ra hoa, cây cảnh tạo hình bằng thủ công

Đơn vị tính: 100cây/lần

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CX2.212	Tưới nước cây cảnh ra hoa, cây cảnh tạo hình bằng thủ công	<i>Vật liệu:</i>		
		- Nước	m3	0,5
		<i>Nhân công:</i>		
		- Bạc thợ 3/7	công	0,135
				10

CX2.21300 Tưới nước cây cảnh ra hoa, cây cảnh tạo hình bằng ô tô tưới nước

Đơn vị tính: 100cây/lần

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CX2.213	Tưới nước cây cảnh ra hoa, cây cảnh tạo hình bằng ô tô tưới nước	<i>Vật liệu:</i>		
		- Nước	m3	0,5
		<i>Nhân công:</i>		
		- Bạc thợ 3/7	công	0,099
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i>		
		- Ô tô tưới nước 5m3	ca	0,0297
				10

CX2.QN.21320 Tưới nước cây cảnh ra hoa, cây cảnh tạo hình bằng ô tô tưới nước 9m3*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị, vận chuyển vật liệu, dụng cụ lao động đến nơi làm việc.
- Dùng vòi tưới đều nước ướt đầm đất tại gốc cây, kết hợp phun nhẹ rửa sạch lá tùy theo địa hình từng khu vực bằng ô tô tưới nước.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc.
- Chùi rửa, cất dụng cụ lao động tại nơi quy định.
- Đảm bảo an toàn lao động, an toàn giao thông trong quá trình thực hiện.

Đơn vị tính: 100cây/lần

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CX2.QN.213	Tưới nước cây cảnh ra hoa, cây cảnh tạo hình bằng ô tô tưới nước 9m3	<i>Vật liệu:</i>		
		- Nước	m3	0,5
		<i>Nhân công:</i>		
		- Bạc thợ 3/7	công	0,0984
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i>		
		- Ô tô tưới nước 9m3	ca	0,0154
				20

CX2.22100 Duy trì cây cảnh trở hoa

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị, vận chuyển vật liệu, dụng cụ lao động đến nơi làm việc.
- Cắt sửa tán gọn gàng, cân đối, không để nặng tán, nghiêng ngã.
- Bón phân vi sinh.
- Phun thuốc trừ sâu cho cây.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc.
- Chùi rửa, cất dụng cụ lao động tại nơi quy định.

Yêu cầu kỹ thuật:

- Cây đảm bảo màu sắc tự nhiên, không rụng chết, cây không bị sâu bệnh, đúng chủng loại, gốc cây không có rác.

Đơn vị tính: 100cây/năm

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CX2.221	Duy trì cây cảnh trở hoa	<i>Vật liệu:</i>		
		- Phân vi sinh	kg	40
		- Thuốc trừ sâu	lít	0,44
		<i>Nhân công:</i>		
		- Bậc thợ 3,5/7	công	46,35
				10

Ghi chú: Đối với công tác duy trì cây cảnh tạo hình có trở hoa, định mức nhân công được nhân với hệ số K = 1,1.

CX2.22200 Trồng dặm cây cảnh trở hoa

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị, vận chuyển vật liệu, dụng cụ lao động đến nơi làm việc.
- Nhổ bỏ cây cảnh xấu, hỏng, xới đất, trồng dặm cây cảnh.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc.

Yêu cầu kỹ thuật:

- Cây trồng được tháo bao có bầu và bầu đất không bị bể, cây phát triển tốt, không gãy thân, cành lá.

Đơn vị tính: 100 cây

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CX2.222	Trồng dặm cây cảnh trở hoa	<i>Vật liệu:</i>		
		- Cây giống	cây	100,0
		<i>Nhân công:</i>		
		- Bạc thợ 3,5/7	công	13,5
				10

CX2.23100 Duy trì cây cảnh tạo hình

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị, vận chuyển vật liệu, dụng cụ lao động đến nơi làm việc.
- Cắt tỉa gọn gàng, cân đối không để nặng tán, nghiêng ngã. Sau khi cắt cây không bị
trơ cành.
- Bón phân vi sinh.
- Phun thuốc trừ sâu cho cây.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc.
- Chùi rửa, cất dụng cụ lao động tại nơi quy định.

Yêu cầu kỹ thuật:

- Đảm bảo cây sinh trưởng phát triển tốt.

Đơn vị tính:

100cây/năm

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CX2.231	Duy trì cây cảnh tạo hình	<i>Vật liệu:</i>		
		- Phân vi sinh	kg	40
		- Thuốc trừ sâu	lít	0,33
		<i>Nhân công:</i>		
		- Bạc thợ 3,5/7	công	38,52
				10

CX2.QN.24110 Trồng dặm cây tạo hình (kích thước bầu 30x30cm)

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị, vận chuyển vật liệu, dụng cụ lao động đến nơi làm việc.
- Xúc và vận chuyển phân hữu cơ đổ đúng nơi quy định trong phạm vi 30m.
- Cho phân vào hố.
- Vận chuyển cây bằng thủ công đến các hố trồng.
- Trồng thẳng cây, lèn chặt gốc, đánh vùng giữ nước tưới, đóng cọc chống cây; buộc
giữ cọc vào thân cây bằng dây nylon, tưới nước.
- Thu dọn dụng cụ, vệ sinh nơi làm việc sau khi trồng.

Yêu cầu kỹ thuật:

- Cây trồng dặm hoặc trồng thay thế phải cùng chủng loại, chiều cao bằng cây hiện đang duy trì.

- Quy cách cây trồng đạt kích thước theo quy định về cây trồng trên đường phố, công viên, công trình cây xanh. Cây sau khi trồng phát triển xanh tốt bình thường, cây không bị nghiêng, cọc chống phải thẳng, buộc chắc chắn, không bị xô lệch, các cây cọc phải được cắt dài bằng nhau và tương đối đồng đều.

Đơn vị tính: 1cây/lần

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CX1.QN.241	Trồng dặm cây tạo hình (kích thước bầu 30x30cm)	<i>Vật liệu:</i>		
		- Cây trồng	cây	1
		- Dây nylon	kg	0,035
		- Nước	m3	0,006
		- Phân hữu cơ	kg	3,000
		<i>Nhân công:</i>		
		- Bậc thợ 3,5/7	công	0,0542
				10

Ghi chú:

- Trồng thay thế, bổ sung dặm cây (chết, lụi) tại các khuôn viên, công viên, dải phân cách hoặc cây xanh đường phố.

- Thời gian bảo hành cây sống trong thời gian tối thiểu 3 tháng.

CX2.30000 Duy trì cây cảnh trồng chậu

CX2.31000 Tưới nước cây cảnh trồng chậu

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị, vận chuyển vật liệu, dụng cụ lao động đến nơi làm việc.

- Dùng vòi phun cầm tay, tưới đều nước ướt đẫm gốc cây, kết hợp phun nhẹ rửa sạch lá tùy theo địa hình theo khu vực, nước tưới lấy từ nguồn tại chỗ hoặc bằng ô tô tưới nước.

- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc.

- Chùi rửa, cất dụng cụ lao động tại nơi quy định.

Yêu cầu kỹ thuật:

- Đảm bảo đủ lượng nước tưới cho cây sinh trưởng tốt.

CX2.31100 Tưới nước cây cảnh trồng chậu bằng máy bơm nước

Đơn vị tính: 100 chậu/lần

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Động cơ xăng 3CV	Động cơ điện 1,5kw
CX2.311	Tưới nước cây cảnh trồng chậu bằng máy bơm nước	<i>Vật liệu:</i>			
		- Nước	m3	0,3	0,3
		<i>Nhân công:</i>			
		- Bậc thợ 3/7	công	0,045	0,063
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i>			
		- Máy bơm nước	ca	0,0432	0,0585
				10	20

CX2.31200 Tưới nước cây cảnh trồng chậu bằng thủ công

Đơn vị tính: 100 chậu/lần

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CX2.312	Tưới nước cây cảnh trồng chậu bằng thủ công	<i>Vật liệu:</i>		
		- Nước	m3	0,3
		<i>Nhân công:</i>		
		- Bậc thợ 3/7	công	0,099
				10

CX2.31300 Tưới nước cây cảnh trồng chậu bằng ô tô tưới nước

Đơn vị tính: 100 chậu/lần

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CX2.313	Tưới nước cây cảnh trồng chậu bằng ô tô tưới nước	<i>Vật liệu:</i>		
		- Nước	m3	0,3
		<i>Nhân công:</i>		
		- Bậc thợ 3/7	công	0,063
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i>		
		- Ô tô tưới nước 5m3	ca	0,0198
				10

Ghi chú: Bảng mức của các công tác CX2.31100; CX2.31200; CX2.31300 quy định đối với chậu có đường kính 0,6-0,8m ; chậu có đường kính 0,4-0,5m thì định mức hao phí điều chỉnh với hệ số K=0,75; chậu có đường kính 0,3 m thì định mức hao phí điều chỉnh với hệ số K=0,35.

CX2.QN.31320 Tưới nước cây cảnh trồng chậu bằng ô tô tưới nước 9m3

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị, vận chuyển vật liệu, dụng cụ lao động đến nơi làm việc.
- Dùng vòi tưới đều nước ướt đầm đất tại gốc cây, kết hợp phun nhẹ rửa sạch lá tùy theo địa hình từng khu vực bằng ô tô tưới nước.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc.
- Chùi rửa, cất dụng cụ lao động tại nơi quy định.
- Đảm bảo an toàn lao động, an toàn giao thông trong quá trình thực hiện.

Đơn vị tính: 100cây/lần

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CX2.QN.313	Tưới nước cây cảnh trồng chậu bằng ô tô tưới nước 9m3	<i>Vật liệu:</i>		
		- Nước	m3	0,5
		<i>Nhân công:</i>		
		- Bạc thợ 3/7	công	0,0625
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i>		
		- Ô tô tưới nước 9m3	ca	0,0116
				20

CX2.32100 Thay đất, phân chậu cảnh

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị, vận chuyển vật liệu, dụng cụ lao động đến nơi làm việc.
- Xúc bỏ đất cũ, thay đất mới đã được trộn đều với phân và thuốc xử lý đất.
- Cắt bớt rễ già, rễ hỏng của cây.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc.
- Chùi rửa, cất dụng cụ lao động tại nơi quy định.

Yêu cầu kỹ thuật:

- Đảm bảo cây sinh trưởng, phát triển tốt.

Đơn vị tính: 100chậu/lần

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CX2.321	Thay đất, phân chậu cảnh	<i>Vật liệu:</i>		
		- Đất trồng cây	m3	2,0
		- Phân vi sinh	kg	20,0
		- Thuốc xử lý đất	kg	10,0
		<i>Nhân công:</i>		
		- Bạc thợ 3,5/7	công	9,0
				10

CX2.33100 Duy trì cây cảnh trồng chậu

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị, vận chuyển vật liệu, dụng cụ lao động đến nơi làm việc.
- Cắt tỉa cành, bón phân vi sinh, nhổ cỏ dại, làm đất đảm bảo đúng yêu cầu kỹ thuật.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc.
- Chùi rửa, cất dụng cụ lao động tại nơi quy định.

Yêu cầu kỹ thuật:

- Cây trong chậu không sâu bệnh, màu sắc tươi tự nhiên đặc trưng theo từng loại, không gãy cành, ngọn, không bị rách, vàng úa.
- Gốc cây không có cỏ dại và rác.

Đơn vị tính: 100 chậu/năm

Đơn vị tính: 100 chậu/nhà				
Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CX2.331	Duy trì cây cảnh trồng chậu	<i>Vật liệu:</i>		
		- Phân vi sinh	kg	26,0
		- Thuốc trừ sâu	lít	0,33
		<i>Nhân công:</i>		
		- Bạc thợ 3,5/7	công	28,8
				10

CX2.34100 Trồng dặm cây cảnh trồng chậu

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị, vận chuyển vật liệu, dụng cụ lao động đến nơi làm việc.
- Nhổ bỏ cây cảnh xấu, hỏng, xới đất, bón phân, trồng dặm cây cảnh, tưới nước bảo dưỡng.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thực hiện công việc.
- Chùi rửa, cất dụng cụ lao động vào nơi quy định.

Yêu cầu kỹ thuật:

- Đảm bảo cây sinh trưởng phát triển tốt.

Đơn vị tính: 100 chậu trồng dặm

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CX2.341	Trồng dặm cây cảnh trồng chậu	<i>Vật liệu:</i>		
		- Cây giống	cây	100
		- Phân vi sinh	kg	5,0
		<i>Nhân công:</i>		
		- Bậc thợ 3,5/7	công	9,0
				10

CX2.35100 Thay chậu hỏng, vỡ

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị, vận chuyển vật liệu, dụng cụ lao động đến nơi làm việc.
- Nhổ cây ra khỏi chậu bị hỏng, vỡ, chuyển sang trồng vào chậu mới, tưới nước bảo dưỡng.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công.
- Chùi rửa, cất dụng cụ lao động vào nơi quy định.

Yêu cầu kỹ thuật:

- Chậu mới không bị hỏng, vỡ, cây trồng trong chậu phát triển tốt.

Đơn vị tính: 100 chậu/lần

Đơn vị tính: 100 chậu/km				
Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CX2.351	Thay chậu hỏng, vỡ	<i>Vật liệu:</i>		
		- Chậu cảnh	chậu	100
		<i>Nhân công:</i>		
		- Bậc thợ 3,5/7	công	8,0
				10

CX2.41100 Duy trì cây leo

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị, vận chuyển vật liệu, dụng cụ lao động đến nơi làm việc.
- Làm cỏ xới gốc, rũ giàn, tưới nước.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc.
- Chùi rửa, cất dụng cụ lao động tại nơi quy định.

Yêu cầu kỹ thuật:

- Cây leo phủ đều trên giàn, độ che phủ 2/3 giàn, cây không có cành khô.
- Lá xanh, tươi, không sâu bệnh, gốc cây không có rác, lá cây lưu cữu.
- Đảm bảo an toàn lao động, an toàn giao thông trong quá trình thực hiện.

* Định mức Duy trì cây leo được áp dụng cho các cây: Sử quân tử, Cúc tần Ấn Độ, Thiên lý tỏi, Hoa giấy, Kim đồng,...

Đơn vị tính: 10 cây/lần

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CX2.411	Duy trì cây leo	<i>Vật liệu:</i>		
		- Phân vi sinh	kg	0,067
		<i>Nhân công:</i>		
		- Bạc thợ 3,5/7	công	0,018
				10

CX2.QN.41000 Tưới nước cây leo

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị, vận chuyển vật liệu, dụng cụ lao động đến nơi làm việc.
- Dùng vòi phun cầm tay, tưới đều ướt đầm đất tại gốc cây, kết hợp phun nhẹ rửa sạch lá tùy theo địa hình từng khu vực, nước tưới lấy từ nguồn tại chỗ hoặc bằng ô tô tưới nước.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc.
- Chùi rửa, cất dụng cụ lao động tại nơi quy định.
- Đảm bảo an toàn lao động, an toàn giao thông trong quá trình thực hiện.

Kỹ thuật tưới nước:

- Số lần tưới, thời gian tưới có thể thay đổi tùy thuộc vào từng vị trí, điều kiện thời tiết, mức độ duy trì tùy theo các tháng trong năm.
- Tưới rôt xung quanh gốc, chú ý tưới từ từ để nước ngấm dần vào đất, tạo độ ẩm; lưu ý không tưới nước vào lúc trời đang nắng gắt hoặc đang mưa to.
- Nguồn nước tưới: Nước thô, nước máy...

Yêu cầu kỹ thuật:

- Cây leo phủ đều trên giàn, độ che phủ 2/3 giàn, cây không có cành khô.
- Lá xanh, tươi, không sâu bệnh, gốc cây không có rác, lá cây lưu cữu.
- Đảm bảo an toàn lao động, an toàn giao thông trong quá trình thực hiện.

* Định mức tưới cây leo được áp dụng cho các cây: Sứ quân tử, Cúc tần Ấn Độ, Thiên lí tử, Hoa giấy, Kim đồng,...

CX2.QN.41210 Tưới nước cây leo bằng thủ công

Đơn vị tính: 10cây/lần

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CX2.QN.412	Tưới nước cây leo bằng thủ công	<i>Vật liệu:</i>		
		- Nước	m3	0,05
		<i>Nhân công:</i>		
		- Bạc thợ 3/7	công	0,0133
				10

CX2.QN.41310 Tưới nước cây leo bằng ô tô tưới nước

Đơn vị tính: 10cây/lần

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CX2.QN.413	Tưới nước cây leo bằng ô tô tưới nước	<i>Vật liệu:</i>		
		- Nước	m3	0,05
		<i>Nhân công:</i>		
		- Bạc thợ 3/7	công	0,0083
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i>		
		- Ô tô tưới nước 5m3	ca	0,0028
				10

CX2.QN.51000 Tưới nước cây thân bók bẹ chiều cao $h \leq 2m$ *Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị, vận chuyển vật liệu, dụng cụ lao động đến nơi làm việc.
- Dùng vòi phun cầm tay, tưới đều ướt đầm đất tại gốc cây, kết hợp phun nhẹ rửa sạch lá tùy theo địa hình từng khu vực, nước tưới lấy từ nguồn tại chỗ hoặc bằng ô tô tưới nước.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc.
- Chùi rửa, cất dụng cụ lao động tại nơi quy định.
- Đảm bảo an toàn lao động, an toàn giao thông trong quá trình thực hiện.

* Định mức Tưới nước cây thân bók bẹ được áp dụng cho các cây: Dừa, Cau vua, Chà là, Nga my, Vạn tuế, Cau đẽ, Cọ lùn,...

CX2.QN.51110 Tưới nước cây thân bók bẹ chiều cao $h \leq 2\text{m}$ bằng thủ công

Đơn vị tính: 100cây/lần

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CX2.QN.511	Tưới nước cây thân bók bẹ chiều cao $h \leq 2\text{m}$ bằng thủ công	<i>Vật liệu:</i>		
		- Nước	m ³	0,5
		<i>Nhân công:</i>		
		- Bậc thợ 3/7	công	0,1340
				10

CX2.QN.51210 Tưới nước cây thân bók bẹ chiều cao $h \leq 2\text{m}$ bằng ô tô tưới nước

Đơn vị tính: 100cây/lần

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CX2.QN.512	Tưới nước cây thân bók bẹ chiều cao $h \leq 2\text{m}$ bằng ô tô tưới nước	<i>Vật liệu:</i>		
		- Nước	m3	0,5
		<i>Nhân công:</i>		
		- Bậc thợ 3/7	công	0,0903
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i>		
		- Ô tô tưới nước 5m3	ca	0,0278
				10

Ghi chú:

- Định mức Tưới nước cây thân bók bẹ chiều cao $h \leq 2\text{m}$ bằng ô tô tưới nước áp dụng đối với cây được trồng riêng lẻ tại các công viên, vỉa hè, vườn hoa, dải phân cách, đảo giao thông,...

- Trường hợp cây trồng kết hợp cây hàng rào, cây đường viên, bồn hoa, bồn cảnh thì định mức hao phí vật liệu, định mức hao phí nhân công và định mức hao phí xe, máy, thiết bị thi công điều chỉnh với hệ số $k=0,75$.

CX2.QN.52000 Duy trì chăm sóc cây thân bók bẹ*Thành phần công việc:*

- Nhận kế hoạch thông báo việc cắt sửa, khảo sát hiện trường, liên hệ cắt điện
- Chuẩn bị vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc, giải phóng mặt bằng, bảo vệ cảnh giới đảm bảo an toàn giao thông, an toàn lao động
- Chặt cành khô, bók bẹ lá khô quanh thân cây (thực hiện tối thiểu 02 lần/năm).
- Bón phân vô cơ (thực hiện tối thiểu 02 lần/năm).
- Phun thuốc trừ sâu cho cây (thực hiện tối thiểu phun 03 đợt, mỗi đợt 02 lần/năm).
- Nhổ cỏ dại quanh gốc cây, thu gom vận chuyển đến nơi đổ quy định (thực hiện tối thiểu 04 lần/năm).
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc.

- Chùi rửa, cắt dụng cụ lao động tại nơi quy định.

Yêu cầu kỹ thuật:

- Cây đảm bảo cảnh quan, sinh trưởng, phát triển ổn định; Cây không còn bẹ lá khô, lá khô úa, lá sâu bệnh, lá xòa thấp ảnh hưởng giao thông.

* Định mức duy trì chăm sóc cây thân bóc bẹ được áp dụng cho các cây: Dừa, Cau vua, Chà là, Nga my, Vạn tuế, Cau đẽ, Cọ lùn,...

CX2.QN.52110 Duy trì chăm sóc cây thân bóc bẹ chiều cao $h \leq 2m$

Đơn vị tính: cây/năm

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CX2.QN.521	Duy trì chăm sóc cây thân bóc bẹ chiều cao $h \leq 2m$	<i>Vật liệu:</i>		
		- Phân vi sinh	kg	0,4
		- Thuốc trừ sâu	lít	0,0033
		<i>Nhân công:</i>		
		- Bạc thợ 3,5/7	công	0,1431
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i>		
		-Máy cưa gỗ cầm tay 1,3kw	ca	0,0125
				10

CX2.QN.52210 Duy trì chăm sóc cây thân bóc bẹ chiều cao $h > 2m$

Đơn vị tính: cây/năm

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CX2.QN.522	Duy trì chăm sóc cây thân bóc bẹ chiều cao h>2m	<i>Vật liệu:</i>		
		- Phân vi sinh	kg	0,4
		- Thuốc trừ sâu	lít	0,0033
		<i>Nhân công:</i>		
		- Bạc thợ 3,5/7	công	0,1458
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i>		
		- Máy cưa gỗ cầm tay 1,3kw	ca	0,0111
		- Xe thang 12m	ca	0,1153
				10

CX2.QN.52310 Duy trì cây sanh si tạo hình (h = 4-6 m, đường kính thân 8-10 cm, hình con vật, hình khối ...)

Thành phần công việc:

- Nhận kế hoạch thông báo việc cắt sửa, khảo sát hiện trường, liên hệ cắt điện
- Chuẩn bị vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc, giải phóng mặt bằng, bảo vệ cảnh giới đảm bảo an toàn giao thông, an toàn lao động
- Cắt tỉa cây theo hình hiện trạng hoặc thống nhất về hình dáng đối với cây mới cắt lần đầu (thực hiện tối thiểu 04 lần/năm).
- Bón phân vô cơ (thực hiện tối thiểu 02 lần/năm).
- Phun thuốc trừ sâu cho cây (thực hiện tối thiểu phun 03 đợt, mỗi đợt 02 lần/năm).
- Nhổ cỏ dại quanh gốc cây, thu gom vận chuyển đến nơi đổ quy định (thực hiện tối thiểu 04 lần/năm).
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc.
- Chùi rửa, cất dụng cụ lao động tại nơi quy định.

Đơn vị tính: cây/năm

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CX2.QN.523	Duy trì cây sanh si tạo hình (h = 4-6 m, đường kính thân 8-10 cm, hình con vật, hình khối ...)	<i>Vật liệu:</i>		
		- Phân vi sinh	kg	0,4
		- Thuốc trừ sâu	lít	0,0033
		<i>Nhân công:</i>		
		- Bạc thợ 3,5/7	công	0,4292
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i>		
		- Máy cưa gỗ cầm tay 1,3kw	ca	0,2528
		- Xe thang 12m	ca	0,3778
				10

CHƯƠNG III: DUY TRÌ CÂY BÓNG MÁT

CX3.10000 Duy trì cây bóng mát

CX3.11100 Duy trì cây bóng mát mới trồng

Thành phần công việc:

- Tưới nước ướt đầm gốc cây.
- Bón phân gốc cây, sửa tán, tạo hình và tẩy chồi, chống sửa cây nghiêng, vệ sinh quanh gốc cây đảm bảo đúng yêu cầu kỹ thuật, mỹ thuật.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc.

Yêu cầu kỹ thuật:

- Cây có thân thẳng, cân tán, gọn tán, lá cây có màu xanh đặc trưng tùy từng loài; Cây

không có cành vươn, cành trời mọc ở thân, cành lệch, tán không vót cao, cây không bị sâu bệnh.

Đơn vị tính: 1cây/năm

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CX3.111	Duy trì cây bóng mát mới trồng	<i>Vật liệu:</i>		
		- Nước	m3	2,4
		- Phân vi sinh	kg	6,0
		- Cây chống fĩ 60	cây	3
		- Dây kẽm 1 mm	kg	0,02
		- Vật liệu khác	%	1,5
		<i>Nhân công:</i>		
		- Bạc thợ 3,5/7	công	1,044
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i>		
		- Ô tô tưới nước 5m3	ca	0,108
				10

Ghi chú:

- + Áp dụng cho tất cả các loại cây.
- + Cây bóng mát mới trồng: Cây sau khi trồng được 90 ngày đến 2 năm.

CX3.11200 Duy trì cây bóng mát loại 1

Thành phần công việc:

- Nhận kế hoạch thông báo việc cắt sửa, khảo sát hiện trường, liên hệ cắt điện.
- Chuẩn bị vật liệu, dụng cụ lao động đến nơi làm việc, giải phóng mặt bằng, bảo vệ cảnh giới đảm bảo giao thông, an toàn lao động.
- Lấy nhánh khô, mé nhánh tạo tán cân đối, sơn vết cắt thực hiện, tẩy chồi, chống sửa cây nghiêng, vệ sinh quanh gốc cây đúng yêu cầu kỹ thuật, mỹ thuật.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc.
- Chùi rửa cất dụng cụ lao động tại nơi quy định.

Yêu cầu kỹ thuật:

- Đảm bảo an toàn khi thi công. Cây được chăm sóc luôn phát triển tốt, dáng cây đứng thẳng, tán cây cân đối.

Đơn vị tính: 1 cây/năm

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CX3.112	Duy trì cây bóng mát loại 1	<i>Vật liệu:</i>		
		- Sơn	kg	0,02
		- Xăng	lít	0,014
		- Cây chống fì 60	cây	0,2
		- Nẹp gỗ	cây	0,2
		- Đinh	kg	0,005
		<i>Nhân công:</i>		
		- Bạc thợ 3,5/7	công	0,405
				10

Ghi chú:

+ Áp dụng cho tất cả các loại cây.

+ Cây bóng mát loại 1: Cây cao $\leq 6m$ và có đường kính gốc cây $\leq 20cm$.

CX3.11300 Duy trì cây bóng mát loại 2

Thành phần công việc:

- Nhận kế hoạch thông báo việc cắt sửa, khảo sát hiện trường, liên hệ cắt điện.
- Chuẩn bị vật liệu, dụng cụ lao động đến nơi làm việc, giải phóng mặt bằng, bảo vệ cảnh giới đảm bảo giao thông và đặc biệt phải an toàn lao động.
- Lấy nhánh khô, mé nhánh tạo tán cân đối, sơn vết cắt thực hiện, tẩy chồi, chống sửa cây nghiêng, vệ sinh quanh gốc cây đúng yêu cầu kỹ thuật, mỹ thuật.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc.
- Chùi rửa cắt dụng cụ lao động tại nơi quy định.

Yêu cầu kỹ thuật:

- Đảm bảo an toàn khi thi công. Cây được chăm sóc luôn phát triển tốt, dáng cây đứng thẳng, tán cây cân đối.

Đơn vị tính: 1cây/năm

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CX3.113	Duy trì cây bóng mát loại 2	<i>Vật liệu:</i>		
		- Sơn	kg	0,02
		- Xăng	lít	0,014
		<i>Nhân công:</i>		
		- Bạc thợ 3,5/7	công	2,55
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i>		
		- Xe thang 12m	ca	0,038
		- Máy cưa gỗ cầm tay 1,3kw	ca	0,238
				10

Ghi chú:

+ Áp dụng cho tất cả các loại cây.

+ Cây bóng mát loại 2: Cây cao $\leq 12m$ và có đường kính gốc $\leq 50cm$.

CX3.11400 Duy trì cây bóng mát loại 3

Thành phần công việc:

- Nhận kế hoạch thông báo việc cắt sửa, khảo sát hiện trường, liên hệ cắt điện.
- Chuẩn bị vật liệu, dụng cụ lao động đến nơi làm việc, giải phóng mặt bằng, bảo vệ cảnh giới đảm bảo giao thông và đặc biệt phải an toàn lao động.
- Lấy nhánh khô, mé nhánh tạo tán cân đối, sơn vết cắt thực hiện, gỡ phụ sinh, ký sinh thông thường, vệ sinh quanh gốc cây đúng yêu cầu kỹ thuật, mỹ thuật.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc.
- Chùi rửa, cất dụng cụ lao động tại nơi quy định.

Yêu cầu kỹ thuật:

- Đảm bảo an toàn khi thi công. Cây được chăm sóc luôn phát triển tốt, dáng cây đứng thẳng, tán cây cân đối.

Đơn vị tính: 1 cây/năm

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CX3.114	Duy trì cây bóng mát loại 3	<i>Vật liệu:</i>		
		- Sơn	kg	0,033
		- Xăng	lít	0,0237
		<i>Nhân công:</i>		
		- Bạc thợ 3,5/7	công	5,21
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i>		
		- Xe thang 15m	ca	0,062
		- Máy cưa gỗ cầm tay 1,3kw	ca	0,396
				10

Ghi chú:

- + Áp dụng cho tất cả các loại cây.
- + Cây bóng mát loại 3: Cây cao > 12m hoặc có đường kính gốc > 50cm.

CX3.QN.11510 Trồng dặm cây bóng mát loại 1

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị, vận chuyển vật liệu, dụng cụ lao động đến nơi làm việc.
- Xúc và vận chuyển phân hữu cơ đổ đúng nơi quy định trong phạm vi 30m.
- Cho phân vào hố, kích thước hố.
- Vận chuyển cây bằng thủ công đến các hố trồng.
- Trồng thẳng cây, lèn chặt gốc, đánh vùng giữ nước tưới, đóng cọc chống cây; chằng chống giữ cây, tưới nước.
- Thu dọn dụng cụ, vệ sinh nơi làm việc sau khi trồng.

Yêu cầu kỹ thuật:

- Cây trồng dặm hoặc trồng thay thế phải cùng chủng loại, chiều cao bằng cây hiện đang duy trì.
- Quy cách cây trồng đạt kích thước theo quy định về cây trồng trên đường phố, công viên, công trình cây xanh. Cây sau khi trồng phát triển xanh tốt bình thường, cây không bị nghiêng, cọc chống phải thẳng, buộc chắc chắn, không bị xô lệch, các cây cọc phải được cắt dài bằng nhau và tương đối đồng đều.
- Cây bóng mát trưởng phát triển bình thường, không nghiêng ngã. cọc chống được đóng, buộc chắc chắn, không xô lệch.
- Đảm bảo an toàn lao động, an toàn giao thông trong quá trình thi công.

Đơn vị tính: 1cây/lần

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CX3.QN.115	Trồng dặm cây bóng mát loại 1	<i>Vật liệu:</i>		
		- Cây trồng	cây	1
		- Nẹp gỗ	cây	4
		- Cọc chống	cây	4
		- Đinh	kg	0,1
		- Phân vi sinh	kg	0,4
		- Nước	m3	0,013
		<i>Nhân công:</i>		
		- Bậc thợ 3,5/7	công	0,0569
				10

Ghi chú:

- Trồng thay thế, bổ sung dặm cây (chết, lụi) tại các khuôn viên, công viên, dải phân cách hoặc cây xanh đường phố.

- Thời gian bảo hành cây sống trong thời gian tối thiểu 3 tháng.

CX3.21100 Duy trì thảm cỏ gốc cây bóng mát

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị, vận chuyển vật liệu, dụng cụ lao động đến nơi làm việc.
- Tưới nước, phát và xén thảm cỏ và dọn dẹp vệ sinh, làm cỏ tạp, dọn vệ sinh rác trên thảm cỏ, trồng dặm cỏ, bón phân hữu cơ thảm cỏ, phòng trừ sâu cỏ.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công, chùi rửa cất dụng cụ lao động tại nơi quy định.

Yêu cầu kỹ thuật:

- Đảm bảo cỏ trong bồn luôn phát triển tốt.
- Diện tích thảm cỏ bình quân 3m2/bồn.

Đơn vị tính: 1 bồn/năm

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CX3.211	Duy trì thảm cỏ gốc cây bóng mát	<i>Vật liệu:</i>		
		- Nước	m3	2,1
		- Cỏ giống	m2	0,9
		- Phân vi sinh	kg	0,378
		- Thuốc xử lý đất	kg	0,06
		- Vôi bột	kg	1,8
		<i>Nhân công:</i>		
		- Bậc thợ 3,5/7	công	3,65
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i>		
		- Ô tô tưới nước 5 m3	ca	0,322
		- Máy cắt cỏ động cơ xăng 3CV	ca	0,022
				10

CX3.30000 Giải tỏa, chặt hạ cành cây, cây gãy đổ

CX3.31100 Giải tỏa cành cây gãy

Thành phần công việc:

- Cảnh giới giao thông.
- Giải tỏa cành cây gãy đổ, nhanh chóng giải phóng mặt bằng.
- Cắt bằng vết cây gãy, sơn vết cắt.
- Dọn dẹp vệ sinh, thu gom cành lá, vận chuyển về nơi quy định phạm vi 30km.

Yêu cầu kỹ thuật:

- Cây đảm bảo sinh trưởng và phát triển, trên cây không còn cành gãy.
- Đảm bảo an toàn cho người và tài sản.

Đơn vị tính: 1 cành/lần

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Cành cây d≤20cm	Cành cây d≤50cm	Cành cây d>50cm
CX3.311	Giải toả cành cây gãy	<i>Vật liệu:</i>				
		- Sơn	kg	-	0,025	0,03
		- Vật liệu khác	%	-	1,5	1,5
		<i>Nhân công:</i>				
		- Bậc thợ 3,5/7	công	0,27	1,08	1,8
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i>				
		- Máy cưa gỗ cầm tay 1,3kw	ca	0,063	0,149	0,18
		- Ô tô tự đổ 2,5T	ca	0,1	0,11	0,12
		- Xe thang 12m	ca		0,024	0,032
				10	20	30

CX3.31200 Giải toả cây gãy, đổ

Thành phần công việc:

- Nhận kế hoạch, khảo sát hiện trường, thông báo cắt điện.
- Chuẩn bị dụng cụ lao động giao thông, cảnh giới giao thông.
- Giải toả cây đổ ngã, xử lý cành nhánh, thân cây, đào gốc, vận chuyển về nơi quy định phạm vi 30km, san phẳng hố đào gốc cây.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc.

Yêu cầu kỹ thuật:

- Đảm bảo cho người và tài sản.

Đơn vị tính: 1 cây/lần

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Cây loại 1	Cây loại 2	Cây loại 3
CX3.312	Giải toả cây gãy, đổ	<i>Nhân công:</i>				
		- Bậc thợ 3,5/7	công	2,97	6,3	13,5
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i>				
		- Xe cẩu tự hành 2,5T	ca	0,211	-	-
		- Xe cẩu tự hành 5T	ca		0,236	0,36
		- Máy cưa gỗ cầm tay 1,3kw	ca	0,27	1,12	2,25
				10	20	30

Ghi chú:

- + Áp dụng cho tất cả các loại cây.
- + Cây bóng mát loại 1: Cây cao $\leq 6\text{m}$ và có đường kính gốc cây $\leq 20\text{cm}$
- + Cây bóng mát loại 2: Cây cao $\leq 12\text{m}$ và có đường kính gốc $\leq 50\text{cm}$.
- + Cây bóng mát loại 3: Cây cao $> 12\text{m}$ hoặc có đường kính gốc $> 50\text{cm}$.

CX3.3130 Chặt hạ cây bị bệnh hoặc già cỗi không đảm bảo an toàn

Thành phần công việc:

- Khảo sát, lập kế hoạch, liên hệ cắt điện, chuẩn bị dụng cụ, giải phóng mặt bằng, cảnh giới giao thông.
- Đốn hạ cây, chặt, cưa thân cây thành từng khúc để tại chỗ.
- Đào gốc san lấp hoàn trả mặt bằng.
- Thu gọn cành lá, vận chuyển gốc cây về nơi quy định.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc.

Yêu cầu kỹ thuật:

- Đảm bảo cho người và tài sản.

Đơn vị tính: 1 cây						
Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Cây loại 1	Cây loại 2	Cây loại 3
CX3.313	Chặt hạ cây bị bệnh hoặc già cỗi không đảm bảo an toàn	<i>Nhân công:</i>				
		- Bạc thợ 3,5/7	công	2,92	11,43	19,35
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i>				
		- Máy cưa gỗ cầm tay 1,3kw	ca	0,5	1,48	2,97
		- Xe thang 12m	ca	-	0,11	-
		- Xe thang 15m	ca	-	-	0,23
		- Xe cầu tự hành 2,5T	ca	0,282	-	-
		- Xe cầu tự hành 5T	ca		0,8	1,24
		- Cần trục ô tô 10T	ca		-	0,33
				10	20	30

Ghi chú:

- + Áp dụng cho tất cả các loại cây.
- + Cây bóng mát loại 1: Cây cao $\leq 6\text{m}$ và có đường kính gốc cây $\leq 20\text{cm}$
- + Cây bóng mát loại 2: Cây cao $\leq 12\text{m}$ và có đường kính gốc $\leq 50\text{cm}$.
- + Cây bóng mát loại 3: Cây cao $> 12\text{m}$ hoặc có đường kính gốc $> 50\text{cm}$.

Ghi chú:

1/ Cụ ly vận chuyển cành lá, cây, gốc cây cho công tác CX3.31100; CX3.31200 và CX3.31300 trung bình 30km về nơi quy định.

2/ Bảng mức của các công tác CX3.11300; CX3.11400; CX3.31100; CX3.31300 áp dụng với xe, máy, thiết bị thi công là xe thang. Trường hợp sử dụng xe nâng thay cho xe thang thì hao phí định mức xe nâng xác định bằng hao phí định mức xe thang và nhân với hệ số điều chỉnh k=0,8.

CX3.40000 Cắt thấp tán, không chế chiều cao cây

CX3.41100 Cắt thấp tán, không chế chiều cao cây

Thành phần công việc:

- Khảo sát hiện trường, thông báo với các đơn vị có liên quan, liên hệ cắt điện.
- Chuẩn bị phương tiện, vật liệu, vật liệu phục vụ công tác thi công, bảo vệ cảnh giới an toàn.
- Cắt thấp tán cây, không chế chiều cao, tùy từng loại cây, từng loại cành cụ thể mà cắt sửa theo yêu cầu kỹ, mỹ thuật, không chế chiều cao.
- Tháo dỡ phụ sinh đeo bám ảnh hưởng đến sức sống cây trồng và mỹ quan đô thị.
- Thu dọn cành, lá cây, thu gom chuyển về vị trí theo quy định.

Yêu cầu kỹ thuật:

- Cây đảm bảo sinh trưởng, phát triển tốt, cây không bị lệch tán, cây gọn tán, nhẹ tán, đảm bảo mỹ thuật.
- Hạn chế cây đổ, cành gãy đảm bảo cho người và tài sản.

Đơn vị tính: 1 cây/lần

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Cây loại 1	Cây loại 2	Cây loại 3
CX3.411	Cắt thấp tán, không chế chiều cao cây	<i>Vật liệu:</i>				
		- Sơn	kg	0,027	0,027	0,09
		<i>Nhân công:</i>				
		- Bậc thợ 3,5/7	công	0,91	1,36	4,53
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i>				
		- Xe thang 12m	ca	0,135	0,18	
		- Xe thang 15m	ca			0,6
		- Ô tô tự đổ 5T	ca	0,059	0,09	0,29
		- Máy cưa gỗ cầm tay 1,3kw	ca	0,105	0,16	0,54
				10	20	30

Ghi chú:

- + Áp dụng cho tất cả các loại cây.
- + Cây bóng mát loại 1: Cây cao $\leq 6\text{m}$ và có đường kính gốc cây $\leq 20\text{cm}$
- + Cây bóng mát loại 2: Cây cao $\leq 12\text{m}$ và có đường kính gốc $\leq 50\text{cm}$.
- + Cây bóng mát loại 3: Cây cao $> 12\text{m}$ hoặc có đường kính gốc $> 50\text{cm}$.

Ghi chú: Cụ ly vận chuyển cành, lá cây công tác CX3.41100 trung bình 30km về nơi quy định.

CX3.51100 Quét vôi gốc cây

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị, vận chuyển vôi và a dao.
- Lọc vôi, quét vôi gốc cao 1m tính từ mặt đất gốc cây, thực hiện bình quân 3 lần/năm.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc.
- Chùi rửa, cất dụng cụ lao động tại nơi quy định.

Yêu cầu kỹ thuật:

Đảm bảo vôi bám kín xung quanh bề mặt vị trí quét.

Đơn vị tính: 1 cây

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Cây loại 1	Cây loại 2	Cây loại 3
CX3.511	Quét vôi gốc cây	<i>Vật liệu:</i>				
		- Vôi	kg	0,16	0,57	1,14
		- A dao	kg	0,003	0,011	0,022
		<i>Nhân công:</i>				
		- Bạc thợ 3/7	công	0,03	0,05	0,113
				10	20	30

Ghi chú:

- + Áp dụng cho tất cả các loại cây.
- + Cây bóng mát loại 1: Cây cao $\leq 6\text{m}$ và có đường kính gốc cây $\leq 20\text{cm}$
- + Cây bóng mát loại 2: Cây cao $\leq 12\text{m}$ và có đường kính gốc $\leq 50\text{cm}$.
- + Cây bóng mát loại 3: Cây cao $> 12\text{m}$ hoặc có đường kính gốc $> 50\text{cm}$.

CHƯƠNG IV: DUY TRÌ VỆ SINH

CX4.QN.11110 Bảo vệ công viên

Thành phần công việc:

- Thực hiện bảo vệ 03 ca/ngày, 365 ngày/năm
- Chuẩn bị dụng cụ lao động và trang thiết bị bảo hộ lao động.
- Di chuyển đến nơi làm việc.
- Trông coi bảo vệ cây xanh, cây cảnh, vườn hoa trong công viên, hệ thống điện chiếu sáng trong khuôn viên công viên...
- Ghi chép số liệu và bàn giao ca.
- Bố trí lực lượng bảo vệ cho phù hợp, đảm bảo trật tự an ninh khu vực và tài sản mà đơn vị được giao quản lý.

Đơn vị tính: ha/ngày đêm

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CX4.QN.111	Bảo vệ công viên	<i>Nhân công:</i>	công	1,0539
		- Bạc thợ 3/7		10

CX4.QN.21110 Duy trì hệ thống đài phun nước công cộng

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị dụng cụ và bảo hộ lao động
- Vận hành hệ thống phun với những bể có hệ thống phun
- Quét sạch rác bẩn, thu gom vận chuyển đến nơi quy định
- Ghi chép số liệu và bàn giao ca
- Vệ sinh dụng cụ và cất vào nơi quy định

Đơn vị tính: trạm/ngày

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CX4.QN.211	Duy trì hệ thống đài phun nước công cộng	<i>Nhân công:</i>	công	0,1104
		- Bạc thợ 3/7		10

CX4.QN.31110 Thay nước đài phun nước công cộng

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị dụng cụ, trang bị bảo hộ lao động đến nơi làm việc.
- Cọ rửa trong và ngoài bể, cọ rửa thiết bị bể phun, dọn vớt rác, cung cấp nước vào bể theo đúng thiết kế, thay nước theo quy trình, vận hành hệ thống phun với những bể có hệ thống phun. Đảm bảo đúng yêu cầu kỹ thuật.
- Thu gom rác, cặn bẩn trong đáy bể, vận chuyển về nơi tập kết và chuyển về nơi quy định trong ngày. Không để rác, cặn đáy bể.
- Trước khi vận hành kiểm tra điều kiện vận hành an toàn mới đóng nguồn điện và vận hành theo thời gian quy định.
- Chùi rửa, cất dụng cụ vào nơi quy định.

Yêu cầu kỹ thuật:

- Vận hành bể phun theo thời gian quy định. Bể sạch, nước trong, thành bể không bị các chất bẩn bám, không có rác.
- Đủ lượng nước theo thiết kế để vận hành máy bơm theo quy định.
- Đảm bảo an toàn lao động, an toàn về điện trong quá trình làm việc.

Đơn vị tính: m3 bể/lần

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CX4.QN.311	Thay nước đài phun nước công cộng	<i>Vật liệu:</i>		
		- Nước	m3	0,9
		- Nước tẩy rửa	ml/m3 nước	12,5
		<i>Nhân công:</i>		
		- Bạc thợ 3/7	công	0,0344
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i>		
		- Máy bơm nước 3CV	ca	0,0145
				10

CHƯƠNG V: TRANG TRÍ PHỤC VỤ LỄ TẾT

CX.QN.51100 Xếp chậu hoa vào vị trí trang trí sự kiện, lễ hội phục vụ công cộng

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị dụng cụ đến nơi làm việc.
- Phân loại, xếp chậu cây, bầu cây vào vị trí trang trí theo bản vẽ thiết kế được phê duyệt hoặc phương án được thống nhất.
- Vệ sinh chậu cây, mặt bằng, dụng cụ và cất về nơi quy định.

Yêu cầu kỹ thuật:

- Đảm bảo an toàn lao động, an toàn giao thông.
- Xếp chậu cây, bầu cây vào đúng vị trí trang trí đảm bảo số lượng, mật độ, không làm gãy cây, vỡ chậu.
- Thảm cây trang trí có hình khối rõ ràng, toàn mảng đồng nhất không nhấp nhô, có độ dốc thoải thoải từ trong ra ngoài; Cây được xếp chụm tán, không có khoảng hở; Đối với mảng hoa 2/3 diện tích là hoa được bố trí đều trên thảm, diện tích còn lại là nụ. Hoa, lá không bị dập, nát.
- Chậu cây sạch sẽ, không sứt vỡ.
- Mặt bằng và dụng cụ sạch sẽ sau thi công.
- Đảm bảo an toàn lao động, an toàn về điện trong quá trình làm việc.

Đơn vị tính: chậu

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng	
				d =15cm	15cm < d ≤ 30cm
CX5.QN.511	Xếp chậu hoa vào vị trí trang trí sự kiện, lễ hội phục vụ công cộng	<i>Vật liệu:</i>	chậu	1	1
		- Chậu hoa			
		<i>Nhân công:</i>			
		- Bậc thợ 3/7	công	0,0020	0,0075
				10	20

CHƯƠNG VI: CÔNG TÁC TRỒNG CÂY XANH

CX6.QN.11110 Khảo sát, định vị vị trí trồng cây

Thành phần công việc:

- Khảo sát, định vị vị trí trồng cây ngoài hiện trường theo quy định.

Yêu cầu kỹ thuật:

- Đảm bảo vị trí trồng cây không bị vướng các công trình ngầm và hệ thống dây điện phía trên không;
- Đảm bảo cây trồng được thẳng hàng, khoảng cách đều, đối xứng nhau (nếu trồng thành 2 hàng trở lên) tạo cảnh quan đều, đẹp mắt.

Đơn vị tính: 1 vị trí

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Định mức
CX6.QN.111	Khảo sát, định vị vị trí trồng cây	<i>Nhân công</i> - Bạc thợ 3/7	công	0,022
				10

CX6.QN.11120 Phá dỡ nền, hè (bê tông, gạch vỡ)

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị dụng cụ tại nơi làm việc;
- Phá dỡ nền, hè (bê tông, gạch vỡ) tại vị trí trồng cây;
- Thu dọn dụng cụ, dọn dẹp vệ sinh sạch sẽ công trình sau khi thi công.

Yêu cầu kỹ thuật:

- Đảm bảo thực hiện không ảnh hưởng đến công trình xung quanh.

Đơn vị tính: 1 m³

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Định mức
CX6.QN.111	Phá dỡ nền, hè (bê tông, gạch vỡ)	<i>Nhân công</i> - Bạc thợ 3/7	công	1,593
				20

CX6.QN.11130 Đào đất hố trồng cây bằng thủ công

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị dụng cụ tại nơi làm việc.
- Đào đất, xúc đất ra ngoài cho vào bao tập trung chuyển lên xe;
- Dọn dẹp vệ sinh sạch sẽ tại vị trí làm;
- Thu dọn dụng cụ di chuyển, đến vị trí tiếp theo.

Yêu cầu kỹ thuật:

- Hố sau khi đào phải đạt kích thước theo quy định.

Đơn vị tính: 1 m³

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Định mức
CX6.QN.111	Đào đất hố trồng cây bằng thủ công	Nhân công - Bạc thợ 3/7	công	0,654
				30

CX6.QN.11140 Vận chuyển đất, phân hữu cơ trồng cây*Thành phần công việc:*

Vận chuyển đất trồng, phân hữu cơ từ vị trí tập kết đến từng hố trồng bằng xe rùa, cự ly bình quân 30m.

Yêu cầu kỹ thuật:

Vận chuyển đất trồng, phân hữu cơ không rơi vãi xung quanh.

Đơn vị tính: 1 hố

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Kích thước hố trồng (cm)		
				50x50x50	80x80x80	100x100x100
CX6.QN.111	Vận chuyển đất, phân hữu cơ trồng cây	<i>Vật liệu</i>				
		- Đất trồng	m ³	0,06	0,09	0,63
		- Phân hữu cơ	kg	6,00	9,00	20,00
		<i>Nhân công</i>				
		- Bạc thợ 3/7	công	0,04	0,07	0,29
				41	42	43

CX6.QN.11150 Phát quang, làm cỏ tạp, chuẩn bị mặt bằng*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị dụng cụ, vật tư đến nơi làm việc;
- Phát quang đảm bảo chiều cao cỏ bằng 5cm;
- Làm cỏ tạp đảm bảo không quá 5% cỏ dại;
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc, thu dọn vận chuyển cỏ rác trong phạm vi 30m.

Yêu cầu kỹ thuật:

Đảm bảo dọn dẹp sạch sẽ theo quy định.

Đơn vị tính: 100m²

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Định mức
CX6.QN.111	Phát quang, làm cỏ tạp, chuẩn bị mặt bằng	Nhân công - Bạc thợ 3/7	Công	0,468
				50

CX6.QN.11160 Trồng mới cây xanh*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị dụng cụ tại nơi làm việc;
- Trồng cây vào hố đúng yêu cầu kỹ thuật;
- Cho đất trồng và phân hữu cơ vào hố trồng;
- Lấp đất, lèn chặt đất, vun gốc đảm bảo yêu cầu, đóng cọc chống theo yêu cầu kỹ thuật;
- Thu dọn dụng cụ, vệ sinh khu vực sau khi hoàn thành công việc.

Yêu cầu kỹ thuật:

- Quy cách cây trồng đạt kích thước theo quy định về cây trồng trên đường phố, công viên, công trình cây xanh. Cây sau khi trồng phát triển xanh tốt bình thường, cây không bị nghiêng, cọc chống phải thẳng, buộc chắc chắn, không xô lệch, các cây cọc phải được cắt dài bằng nhau và tương đối đồng đều.

- Đảm bảo an toàn lao động, an toàn giao thông trong quá trình thi công.

Đơn vị tính: 1 cây

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Đường kính bầu đất (cm)		
				$d \leq 40$	$40 < d \leq 60$	$60 < d \leq 70$
CX6.QN.111	Trồng mới cây xanh	<i>Vật liệu</i>				
		- Cây giống	cây	1	1	1
		- Nẹp gỗ	cây	3	3	3
		- Cọc chống	cây	3	3	3
		- Đinh	kg	0,028	0,028	0,028
		<i>Nhân công</i>				
		- Bạc thợ 3/7	công	0,057	0,083	0,110
				61	62	63

CX6.QN.11170 Bảo dưỡng cây xanh sau khi trồng*Thành phần công việc:*

- Được tính từ sau khi trồng xong đến lúc chăm sóc được 90 ngày để nghiệm thu. Bao gồm tưới nước, vun bồn, sửa cọc chống trong vòng 90 ngày.

Yêu cầu kỹ thuật:

- Cây sau thời gian bảo dưỡng phát triển xanh tốt, cây không bị nghiêng, xung quanh gốc cây không có rác, cỏ dại, các chồi nhánh được cắt tỉa ngọn.

CX6.QN.111701 Bể nước giếng khoan tưới bằng máy bơm

Đơn vị tính: 1 cây/90 ngày

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Định mức
CX6.QN.1117	Bể nước giếng khoan tưới bằng máy bơm	<i>Nhân công</i>		
		- Bạc thợ 3,0/7	công	0,663
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i>		
		- Máy bơm chạy điện 1,5Kw	ca	0,063
				01

CX6.QN.111702 Bể nước máy tưới thủ công

Đơn vị tính: 1 cây/90 ngày

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Định mức
CX6.QN.1117	Bể nước máy tưới thủ công	<i>Vật liệu</i>		
		- Nước tưới	m ³	1,2
		<i>Nhân công</i>		
		- Bậc thợ 3/7	công	0,663
				02

CX6.QN.111703 Bể xe bồn

Đơn vị tính: 1 cây/90 ngày

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Định mức
CX6.QN.1117	Bể xe bồn	<i>Vật liệu</i>		
		- Nước tưới	m ³	1,2
		<i>Nhân công</i>		
		- Bậc thợ 3/7	công	0,663
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i>		
		- Xe bồn 5m ³	ca	0,007
				03

PHẦN III
ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT DỊCH VỤ CHIẾU SÁNG ĐÔ THỊ
CHƯƠNG I: DUY TRÌ LƯỚI ĐIỆN CHIẾU SÁNG

CS1.10000 Thay đèn cao áp, đèn ống

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị mặt bằng, vận chuyển dụng cụ, vật liệu, phương tiện đến vị trí lắp đặt;
- Cảnh giới đảm bảo giao thông;
- Kiểm tra sửa chữa các chi tiết lưới;
- Tháo và lắp bóng; tháo và lắp kính, lớp đèn;
- Giám sát an toàn, hoàn thiện;
- Vệ sinh, dọn dẹp hiện trường.

CS1.11100 Thay bóng cao áp bằng máy

Đơn vị tính: 20 bóng

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều cao cột			
				H < 12m	12m ≤ H < 18m	18m ≤ H < 24m	24m ≤ H < 32m
CS1.111	Thay bóng cao áp bằng máy	<i>Vật liệu:</i>					
		- Bóng cao áp	cái	20	20	20	20
		- Dây điện 1x1	m	6,0	6,0	6,0	6,0
		- Đui đèn	cái	2	2	2	2
		<i>Nhân công:</i>					
		- Bạc thợ 4/7	công	4,0	5,8	7,5	9,8
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i>					
		- Xe nâng 12m	ca	1,1	-	-	-
		- Xe nâng 18m	ca	-	1,2	-	-
		- Xe nâng 24m	ca	-	-	1,3	-
		- Xe nâng 32m	ca	-	-	-	1,45
				10	20	30	40

CS1.12100 Thay bóng cao áp bằng thủ công

Đơn vị tính: 20 bóng

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CS1.121	Thay bóng cao áp bằng thủ công	<i>Vật liệu:</i>		
		- Bóng cao áp	cái	20
		- Dây điện 1x1	m	6,0
		- Đui đèn	cái	2
		<i>Nhân công:</i>		
		- Bạc thợ 4/7	công	6,0
				10

Ghi chú: Định mức thay bóng cao áp bằng thủ công áp dụng với chiều cao cột H < 10m

CS1.13100 Thay bóng đèn ống

Đơn vị tính: 20 bóng

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Bằng máy	Thủ công
CS1.131	Thay bóng đèn ống	<i>Vật liệu:</i>			
		- Bóng đèn ống	cái	20	20
		- Dây điện 1x1	m	5,0	5,0
		- Đui đèn ống	cái	4	4
		- Tắc te	cái	8	8
		<i>Nhân công</i>			
		- Bạc thợ 3,5/7	công	3,0	6,0
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i>			
		- Xe nâng 12m	ca	1,0	-
				10	20

CS1.20000 Thay bộ đèn các loại (không bao gồm đèn cao áp)

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị mặt bằng, vận chuyển dụng cụ, vật liệu, phương tiện đến vị trí lắp đặt;
- Sửa chữa chi tiết tháo bộ đèn cũ, lắp bộ đèn mới;
- Giám sát an toàn, hoàn thiện;
- Vệ sinh, dọn dẹp hiện trường.

CS1.21100 Thay bộ đèn bằng máy (không bao gồm đèn cao áp)

Đơn vị tính: 10 bộ

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Đèn đơn				Lắp kép		
				H<12m	12m≤H<18m	18m≤H<24m	24m≤H<3m	H≤12m	12m≤H<18m	18m≤H<24m
CS1.211	Thay bộ đèn bằng máy (không bao gồm đèn cao áp)	<i>Vật liệu:</i>								
		- Chóa đèn	cái	10	10	10	10	10	10	10
		- Bóng đèn	cái	10	10	10	10	20	20	20
		<i>Nhân công</i>								
		- Bạc thợ 4/7	công	8,0	9,5	11,5	14,5	14,5	17,5	18,5
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i>								
		- Xe nâng 12m	ca	1,6	-	-	-	-	-	-
		- Xe nâng 18m	ca	-	1,85	-	-	2,1	-	-
		- Xe nâng 24m	ca	-	-	2,1	-	-	2,25	-
		- Xe nâng 32m	ca	-	-	-	2,31	-	-	2,6
				10	20	30	40	50	60	70

Ghi chú: Trường hợp thay chóa đèn hoặc thay bóng đèn bằng máy thì định mức hao phí nhân công và định mức hao phí xe, máy, thiết bị thi công điều chỉnh với hệ số k=0,75.

CS1.22100 Thay bộ đèn bằng thủ công (không bao gồm đèn cao áp)

Đơn vị tính: 10 bộ

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CS1.221	Thay bộ đèn bằng thủ công (không bao gồm đèn cao áp)	<i>Vật liệu:</i>		
		- Chóa đèn	cái	10
		- Bóng đèn	cái	10
		<i>Nhân công</i>		
		- Bạc thợ 4/7	công	16,0
				10

Ghi chú: Định mức thay bộ đèn cao áp bằng thủ công áp dụng với chiều cao cột H<10m; Trường hợp thay chóa đèn hoặc thay bóng đèn bằng thủ công thì định mức hao phí nhân công điều chỉnh với hệ số k=0,8.

CS1.30000 Thay chấn lưu, bộ môi, bộ tiết kiệm điện và bóng đèn**CS1.31100 Thay chấn lưu, bộ môi và bóng đèn đồng bộ bằng máy***Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị mặt bằng, vận chuyển dụng cụ, vật liệu, phương tiện đến vị trí lắp đặt;
- Tháo vỏ chóa, chấn lưu, bộ môi, bóng đèn cũ;
- Thay chấn lưu mới, bộ môi mới, bóng đèn mới;
- Lắp vỏ chóa, đấu điện, kiểm tra;
- Vệ sinh, dọn dẹp hiện trường.

Đơn vị tính: 01 bộ

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều cao cột			
				H < 12m	12m≤ H <18m	18m≤ H <24 m	24m≤ H <30m
CS1.311	Thay chấn lưu, bộ môi và bóng đèn đồng bộ bằng máy	<i>Vật liệu:</i>					
		- Chấn lưu	cái	1	1	1	1
		- Bộ môi	cái	1	1	1	1
		- Bóng đèn	cái	1	1	1	1
		- Dây điện 1x1	m	0,3	0,3	0,3	0,3
		- Đui đèn	cái	0,1	0,1	0,1	0,1
		<i>Nhân công:</i>					
		- Bạc thợ 4/7	công	0,81	1,34	1,66	1,9
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i>					
		- Xe nâng 12m	ca	0,2	-	-	-
		- Xe nâng 18m	ca	-	0,21	-	-
		- Xe nâng 24m	ca	-	-	0,25	-
		- Xe nâng 32m	ca	-	-	-	0,3
				10	20	30	40

Ghi chú:

1/ Trường hợp thay chấn lưu (hoặc bộ môi) và bóng đèn bằng máy thì định mức hao phí nhân công và định mức hao phí xe, máy, thiết bị thi công điều chỉnh với hệ số k=0,8.

2/ Trường hợp thay chấn lưu (hoặc bộ môi hoặc bộ tiết kiệm điện) bằng máy thì định mức hao phí nhân công và định mức hao phí xe, máy, thiết bị thi công điều chỉnh với hệ số k=0,75.

CS1.32100 Thay chấn lưu, bộ mối và bóng đèn đồng bộ bằng thủ công*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị mặt bằng, vận chuyển dụng cụ, vật liệu, phương tiện đến vị trí lắp đặt;
- Tháo vỏ chóa, chấn lưu, bộ mối, bóng đèn cũ;
- Thay chấn lưu mới, bộ mối mới, bóng đèn mới;
- Lắp vỏ chóa, đấu điện, kiểm tra;
- Vệ sinh, dọn dẹp hiện trường.

Đơn vị tính: 01 bộ

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CS1.321	Thay chấn lưu, bộ mối và bóng đèn đồng bộ bằng thủ công	<i>Vật liệu:</i>		
		- Chấn lưu	cái	1
		- Bộ mối	cái	1
		- Bóng đèn	cái	1
		- Dây điện 1x1	m	0,3
		- Đui đèn	cái	0,1
		<i>Nhân công:</i>		
		- Bậc thợ 4/7	công	1,2
				10

Ghi chú:

1/ Trường hợp thay chấn lưu (hoặc bộ mối) và bóng đèn bằng thủ công thì định mức hao phí nhân công điều chỉnh với hệ số $k=0,8$.

2/ Trường hợp thay chấn lưu (hoặc bộ mối hoặc bộ tiết kiệm điện) bằng thủ công thì định mức hao phí nhân công điều chỉnh với hệ số $k=0,75$.

3/ Định mức thay chấn lưu, bộ mối, bộ tiết kiệm điện và bóng đèn bằng thủ công áp dụng với chiều cao cột $H < 10m$.

CS1.40000 Thay xà, thay cần đèn các loại**CS1.41000 Thay các loại xà***Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị mặt bằng, vận chuyển dụng cụ, vật liệu, phương tiện đến vị trí lắp đặt;
- Kiểm tra xà, lĩnh vật liệu, xin cắt điện;
- Tháo dây và lắp dây hoặc cáp (khoảng 2 dây hoặc cáp);
- Giám sát an toàn, sửa chữa hệ thống dây khác trên cột;
- Tháo xà cũ, lắp xà mới, lắp sứ trên xà (đối với các loại xà có sứ);
- Vệ sinh, dọn dẹp hiện trường.

CS1.41100 Thay bộ xà đơn dài >1m có sứ bằng máy

Đơn vị tính: 01 bộ

Đơn vị tính: 01 bộ

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CS1.411	Thay bộ xà đơn dài >1m có sứ bằng máy	<i>Vật liệu:</i>		
		- Xà đơn dài > 1 m	bộ	1
		- Sứ 102	cái	4
		- Bulông 18x250	cái	2
		- Dây đồng Φ 1,2mm - 2mm	m	2,4
		<i>Nhân công:</i>		
		- Bạc thợ 4/7	công	2,0
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công :</i>		
		- Xe nâng 12m	ca	0,16
				10

Ghi chú: Trường hợp thay bộ xà kép dài >1m có sứ bằng máy thì định mức hao phí nhân công và định mức hao phí xe, máy, thiết bị thi công điều chỉnh với hệ số k=1,25.

CS1.41200 Thay bộ xà đơn dài $\leq 1\text{m}$ có sừ bằng máy

Đơn vị tính: 01 bộ

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CS1.412	Thay bộ xà đơn dài $\leq 1\text{m}$ có sừ bằng máy	<i>Vật liệu:</i>		
		- Xà đơn dài $\leq 1\text{m}$	bộ	1
		- Sứ 102	cái	4
		- Bulông 18x250	cái	2
		- Dây đồng $\Phi 1,2\text{mm} - 2\text{mm}$	m	12
		<i>Nhân công:</i>		
		- Bạc thợ 4/7	công	1,50
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i>		
		- Xe nâng 12m	ca	0,16
				10

Ghi chú: Trường hợp thay bộ xà kép dài $\leq 1\text{m}$ có sừ bằng máy thì định mức hao phí nhân công và định mức hao phí xe, máy, thiết bị thi công điều chỉnh với hệ số $k=1,25$.

CS1.41300 Thay bộ xà đơn dài $> 1\text{m}$ không sừ, không dây

Đơn vị tính: 01 bộ

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Bằng máy	Thủ công
CS1.413	Thay bộ xà đơn dài > 1 m không sử dụng dây	<i>Vật liệu:</i>			
		- Xà dài >1m	bộ	1	1
		- Bulông 18x250	cái	2	2
		<i>Nhân công:</i>			
		- Bạc thợ 4/7	công	1,50	2,50
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i>			
		- Xe nâng 12m	ca	0,12	-
				10	20

CS1.41400 Thay bộ xà đơn dài $\leq 1\text{m}$ không sứ, không dây

Đơn vị tính: 01 bộ

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Bảng máy	Thủ công
CS1.414	Thay bộ xà đơn dài $\leq 1\text{m}$ không sứ, không dây	<i>Vật liệu:</i>			
		- Xà dài $\leq 1\text{m}$	bộ	1	1
		- Bulông 18x250	cái	2	2
		<i>Nhân công:</i>			
		- Bạc thợ 4/7	công	1,2	2,0
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i>			
		- Xe nâng 12m	ca	0,12	-
				10	20

CS1.42000 Thay các loại cần đèn cao áp, chụp liền cần, chụp ống phóng đơn, chụp ống phóng kép*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị mặt bằng, vận chuyển dụng cụ, vật liệu, phương tiện đến vị trí lắp đặt;
- Kiểm tra cần, chụp cột, chụp cột liền cần, lĩnh vật liệu, xin cắt điện;
- Tháo chụp, cần cũ;
- Lắp chụp đầu cột, cần mới, lắp sứ, kéo lèo, giám sát;
- Vệ sinh, dọn dẹp hiện trường.

CS1.42100 Thay cần đèn cao áp, chụp liên cần, chụp ống phóng đơn, chụp ống phóng kép bằng máy

Đơn vị tính: 01 bộ

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Loại cần, chụp	
				Cần chữ L hoặc cần chữ S	Chụp liên cần hoặc Chụp ống phóng đơn, kép
CS1.421	Thay cần đèn cao áp, chụp liên cần, chụp ống phóng đơn, chụp ống phóng kép bằng máy	<i>Vật liệu:</i>			
		- Cần chữ L hoặc chữ S	cái	1	-
		- Chụp liên cần hoặc chụp ống phóng đơn, kép	cái	-	1
		- Tay bắt cần	cái	1	-
		- Bulông M18x250	cái	4	-
		<i>Nhân công:</i>			
		- Bậc thợ 4/7	công	2,0	2,5
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công :</i>			
		- Xe nâng 12m	ca	0,17	0,20
				10	20

CS1.42200 Thay cần đèn cao áp bằng thủ công

Đơn vị tính: 01 bộ

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Cần chữ L hoặc cần chữ S
CS1.422	Thay cần đèn cao áp bằng thủ công	<i>Vật liệu:</i>		
		- Cần chữ L hoặc Cần chữ S	cái	1
		- Bulông M18x250	cái	4
		<i>Nhân công:</i>		
		- Bậc thợ 4/7	công	3,25
				10

CS1.42300 Thay cần đèn chao cao áp

Đơn vị tính: 01 bộ

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Bảng máy	Thủ công
CS1.423	Thay cần đèn chao cao áp	<i>Vật liệu:</i>			
		- Cần đèn chao cao áp	bộ	1,0	1
		- Bulông M18x250	cái	4	4
		<i>Nhân công:</i>			
		- Bạc thợ 4/7	công	2,0	2,5
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i>			
		- Xe nâng 12m	ca	0,2	-
				10	20

CS1.50000 Thay dây lên đèn bằng máy, thay cáp treo, cáp ngầm, thay tủ điện, thay cột đèn.**CS1.51100 Thay dây lên đèn bằng máy***Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị mặt bằng, vận chuyển dụng cụ, vật liệu, phương tiện đến vị trí lắp đặt;
- Hạ dây cũ, luồn cửa cột;
- Kéo dây mới, đóng điện, kiểm tra.
- Vệ sinh, dọn dẹp hiện trường.

Đơn vị tính: 40m

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CS1.511	Thay dây lên đèn bằng máy	<i>Vật liệu:</i>		
		- Dây 2x2,5 mm ²	m	40,6
		- Băng dính	cuộn	1
		<i>Nhân công:</i>		
		- Bạc thợ 4/7	công	3,0
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i>		
		- Xe nâng 12m	ca	0,50
				10

CS1.52000 Thay cáp treo, cáp ngầm**CS1.52100 Thay cáp treo***Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị mặt bằng, vận chuyển dụng cụ, vật liệu, phương tiện đến vị trí lắp đặt;
- Hạ cáp cũ;
- Treo lại dây văng, treo cáp, đầu hoàn chỉnh;
- Giám sát an toàn, hoàn thiện;
- Vệ sinh, dọn dẹp hiện trường.

Đơn vị tính: 40m

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Bảng máy	Thủ công
CS1.521	Thay cáp treo bằng máy	<i>Vật liệu:</i>			
		- Cáp treo	m	40,6	40,6
		- Dây văng ϕ 4	m	40,6	40,6
		- Dây ϕ 1,5	kg	0,7	0,7
		- Băng dính	cuộn	1	1
		<i>Nhân công:</i>			
		- Bạc thợ 4/7	công	4,0	7,2
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công :</i>			
	- Xe nâng 12m	ca	0,50	-	
				10	20

CS1.52200 Thay cáp ngầm*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị mặt bằng, vận chuyển dụng cụ, vật liệu, máy móc đến vị trí lắp đặt;
- Tháo đầu nguồn luồn cửa cột;
- Dùng máy cắt bê tông cắt mặt đường, đào rãnh, thay cáp, rải cáp mới, luồn cửa cột;
- Xử lý hai đầu cáp khô, san lấp rãnh cáp, đầm chặt, đặt lưới bảo vệ, vận chuyển đất thừa;
- Vệ sinh, dọn dẹp hiện trường.

Đơn vị tính: 40m

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Thi công trên loại đường	
				Hề phố	Đường nhựa, bê tông
CS1.522	Thay cáp ngầm	<i>Vật liệu:</i>			
		- Cáp ngầm	m	40,6	40,6
		- Đầu cốt	cái	8	8
		- Băng dính	cuộn	2	2
		- Lưới bảo vệ 40x50	m2	20	20
		<i>Nhân công:</i>			
		- Bạc thợ 4/7	công	25,0	32,5
	<i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i>				
	- Máy cắt bê tông 7,5kw	ca	-	0,70	
				10	20

Ghi chú: Định mức trên chưa bao gồm công tác hoàn trả hè đường.

CS1.52300 Nối cáp ngầm

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị mặt bằng, vận chuyển dụng cụ, vật liệu, phương tiện đến vị trí lắp đặt;
- Đào đất, xử lý đầu cáp, làm hộp nối;
- Kiểm tra, lấp đất, thu dọn vệ sinh;
- Vệ sinh, dọn dẹp hiện trường.

Đơn vị tính: 1 mỗi nối

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Thi công trên loại đường	
				Hệ phố	Đường nhựa, bê tông
CS1.523	Nối cáp ngầm	<i>Vật liệu:</i>			
		- Hộp nối cáp ngầm	hộp	1	1
		- Nhựa bitum	kg	7	7
		- Băng vải	cuộn	2	2
		- Băng vải cách điện	cuộn	2	2
		- Cui	kg	7	7
		<i>Nhân công:</i>			
		- Bạc thợ 4/7	công	4,0	4,5
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i>			
		- Máy cắt bê tông 7,5kw	ca	-	0,25
				10	20

CS1.53100 Thay tủ điện

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị mặt bằng, tháo tủ cũ;
- Tháo đầu đầu, đầu kiểm tra;
- Giám sát an toàn, hoàn thiện;
- Vệ sinh, dọn dẹp hiện trường.

Đơn vị tính: 1 tủ

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CS1.531	Thay tủ điện	<i>Vật liệu:</i>		
		- Tủ điện	cái	1
		<i>Nhân công:</i>		
		- Bạc thợ 4/7	công	4,0
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i>		
		- Xe nâng 12m	ca	0,20
				10

CS1.54100 Thay cột đèn

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị, tháo hạ dây, hạ cần, hạ lớp;
- Đào hố nhỏ cột, thu hồi cột cũ;
- Nhận vật liệu, trồng cột mới;
- Lắp xà, đèn, chụp, dây;
- San lấp hố móng, đánh số cột, vệ sinh bàn giao.

Đơn vị tính: 1 cột

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Cột BT li tâm, cột BT chữ H	Cột sắt
CS1.541	Thay cột đèn	<i>Vật liệu:</i>			
		- Bê tông M150	m3	1,1	0,8
		- Cột đèn	cái	1	1
		<i>Nhân công:</i>			
		- Bạc thợ 3,5/7	công	12,0	10,0
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i>			
		- Cần trục ô tô 3T	ca	1,0	1,0
		- Xe nâng 12m	ca	0,50	0,50
		- Xe tải thùng 5T	ca	0,50	0,50
				10	20

CS1.60000 Công tác sơn

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị mặt bằng, cạo gỉ, sơn 3 nước (1 nước chống gỉ, 2 nước sơn bóng);
- Đánh số cột;
- Vệ sinh, dọn dẹp hiện trường.

CS1.61100 Sơn cột sắt (có chiều cao 8 ÷ 9,5m)

Đơn vị tính: 1 cột

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CS1.611	Sơn cột sắt (có chiều cao 8 ÷ 9,5m)	<i>Vật liệu:</i>		
		- Sơn chống gỉ	kg	0,7
		- Sơn bóng	kg	1,5
		- Chổi sơn	cái	1
		- Bàn chải sắt (hoặc giấy nháp)	cái (tờ)	1
		<i>Nhân công:</i>		
		- Bạc thợ 3,5/7	công	2,0
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i>		
		- Xe nâng 12m	ca	0,50
				10

CS1.62100 Sơn chụp, sơn cần đèn

Đơn vị tính: 1 cột

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CS1.621	Sơn chụp, sơn cần đèn	<i>Vật liệu:</i>		
		- Sơn chống gỉ	kg	0,33
		- Sơn bóng	kg	0,70
		- Chổi sơn	cái	0,30
		<i>Nhân công</i>		
		- Bạc thợ 3,5/7	công	1,20
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công :</i>		
		- Xe nâng 12m	ca	0,30
				10

CS1.63100 Sơn cột đèn chùm

Đơn vị tính: 1 cột

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Bằng máy	Thủ công
CS1.631	Sơn cột đèn chùm	<i>Vật liệu:</i>			
		- Sơn chống gỉ	kg	0,5	0,5
		- Sơn bóng	kg	1	1
		- Chổi sơn	cái	1	1
		- Bàn chải sắt (hoặc giấy nháp)	cái (tờ)	1	1
		<i>Nhân công:</i>			
		- Bạc thợ 3,5/7	công	2,0	4,0
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công :</i>			
		- Xe nâng 12m	ca	0,40	-
				10	20

*Ghi chú:*1/ Định mức hao phí sơn cột đèn chùm bằng máy áp dụng với chiều cao cột đèn $H > 4m$.2/ Định mức hao phí sơn cột đèn chùm bằng thủ công áp dụng với chiều cao cột đèn $H \leq 4m$.**CS1.64100 Sơn cột đèn 1 cầu, đèn chùa, đèn vương miện bằng thủ công**

Đơn vị tính: 1 cột

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CS1.641	Sơn cột đèn 1 cầu, đèn chùa, đèn vương miện bằng thủ công	<i>Vật liệu:</i>		
		- Sơn chống gỉ	kg	0,35
		- Sơn bóng	kg	0,7
		- Chổi sơn	cái	1,0
		- Bàn chải sắt (hoặc giấy nháp)	cái (tờ)	1,0
		<i>Nhân công:</i>		
		- Bạc thợ 3,5/7	công	3,0
				10

CS1.65100 Sơn tủ điện (bao gồm cả sơn giá đỡ tủ)

Đơn vị tính: 1 tủ

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CS1.651	Sơn tủ điện (bao gồm cả sơn giá đỡ tủ)	<i>Vật liệu:</i>		
		- Sơn chống gỉ	kg	0,8
		- Sơn bóng	kg	1,6
		- Chổi sơn	cái	1
		- Bàn chải sắt (hoặc giấy nháp)	cái (tờ)	1
		<i>Nhân công:</i>		
		- Bạc thợ 3,5/7	công	2,0
				10

CS1.71100 Thay sứ cũ*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị mặt bằng, vật liệu, cắt điện;
- Tháo sứ cũ, lắp sứ mới, kéo lại dây;
- Kiểm tra đóng điện, giám sát an toàn;
- Vệ sinh, dọn dẹp hiện trường.

Đơn vị tính: 1 quả sứ

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CS1.711	Thay sứ cũ	<i>Vật liệu:</i>		
		- Sứ	cái	1
		<i>Nhân công:</i>		
		- Bạc thợ 3,5/7	công	0,37
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công :</i>		
		- Xe nâng 12m	ca	0,10
				10

CS1.81100 Duy trì choá đèn cao áp, kính đèn cao áp, đèn cầu, đèn lồng bằng máy.

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị mặt bằng, tháo choá, kiểm tra tiếp xúc;
- Vệ sinh choá đèn cao áp, vệ sinh kính đèn cao áp; vệ sinh đèn cầu, đèn lồng;
- Lắp choá, giám sát an toàn;
- Vệ sinh, dọn dẹp hiện trường.

Đơn vị tính: 01 bộ

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều cao cột			
				H<12m	12m≤ H<18m	18m≤ H<24m	24m≤ H<30m
CS1.811	Duy trì choá đèn cao áp, kính đèn cao áp, đèn cầu, đèn lồng bằng máy	<i>Vật liệu:</i>					
		- Giẻ lau	cái	1	1	1	1
		- Xà phòng	kg	0,01	0,01	0,01	0,01
		<i>Nhân công:</i>					
		- Bạc thợ 3,5/7	công	0,3	0,4	0,5	0,6
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i>					
		- Xe nâng 12m	ca	0,07	-	-	-
		- Xe nâng 18m	ca	-	0,08	-	-
		- Xe nâng 24m	ca	-	-	0,09	-
		- Xe nâng 32m	ca	-	-	-	0,11
				10	20	30	40

CS1.91100 Thay quả cầu nhựa hoặc quả cầu thủy tinh*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị, vận chuyển vật liệu đến địa điểm thay thế;
- Sửa chữa chi tiết đầu, tháo lắp cầu nhựa (hoặc quả cầu thủy tinh);
- Giám sát an toàn

Đơn vị tính: 1 quả

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Bảng máy	Thủ công
CS1.911	Thay quả cầu nhựa hoặc quả cầu thủy tinh	<i>Vật liệu:</i>			
		- Quả cầu nhựa (hoặc quả cầu thủy tinh)	quả	1	1
		<i>Nhân công:</i>			
		- Bạc thợ 3,5/7	công	0,60	1,08
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i>			
		- Xe nâng 12m	ca	0,10	
				10	20

CHƯƠNG II: DUY TRÌ TRẠM ĐÈN CHIẾU SÁNG**CS2.10000 Duy trì trạm đèn bằng đồng hồ hẹn giờ hoặc bằng thiết bị trung tâm điều khiển và giám sát***Thành phần công việc:*

- Hàng ngày đóng, ngắt, kiểm tra lưới đèn;s
- Vệ sinh bảo dưỡng thiết bị điện, kiểm tra máy, kiểm tra tín hiệu trực máy;
- Kiểm tra lưới đèn, ghi chép kết quả đèn sáng, đèn tối;
- Xử lý sự cố nhỏ: tra chì, đấu tiếp xúc, báo công tơ điện mất nguồn;
- Đọc chỉ số đồng hồ công tơ điện;
- Kiến nghị sửa chữa thay thế.

CS2.11100 Duy trì trạm 1 chế độ

Đơn vị tính: 1 trạm/ngày

Đơn vị tính: 1 trạm/ngày

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CS2.111	Duy trì trạm 1 chế độ	<i>Nhân công:</i>		
		- Bạc thợ 4/7	công	0,22
				10

CS2.12100 Duy trì trạm 2 chế độ

Đơn vị tính: 1 trạm/ngày

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CS2.121	Duy trì trạm 2 chế độ	<i>Nhân công:</i>		
		- Bạc thợ 4/7	công	0,26
				10

Ghi chú:

1/ Trường hợp duy trì trạm 1 chế độ bằng thủ công thì định mức hao phí nhân công điều chỉnh với hệ số $k=1,4$.

2/ Trường hợp duy trì trạm 2 chế độ bằng thủ công thì định mức hao phí nhân công điều chỉnh với hệ số $k=1,4$.

3/ Định mức duy trì trạm đèn công cộng quy định tại các bảng trên tương ứng với chiều dài tuyến trạm = 1500m và trạm trên đường phố. Khi chiều dài tuyến trạm khác với khoảng cách trên và có vị trí khác thì định mức điều chỉnh như sau:

Chiều dài tuyến trạm 1500 ÷ 3000m:	$K_1 = 1,1$;
Chiều dài tuyến trạm > 3000m:	$K_1 = 1,2$
Chiều dài tuyến trạm 1000 ÷ 1500m:	$K_1 = 0,9$
Chiều dài tuyến trạm 500 ÷ 1000m:	$K_1 = 0,8$;
Chiều dài tuyến trạm < 500m:	$K_1 = 0,5$;
Trạm trong ngõ xóm nội thành:	$K_v = 1,2$;
Trạm trong khu tập thể dân cư nội thành:	$K_v = 1,1$;
Trạm ngoại thành:	$K_v = 1,2$

CS2.20000 Thay thế thiết bị trung tâm điều khiển**CS2.21100 Thay modem; thay bộ điều khiển PLC MASTER; thay bộ điều khiển PLC, RTU; thay bộ đo điện áp và dòng điện (Tranducer);***Thành phần công việc:*

- Kiểm tra thiết bị cũ;
- Lĩnh vật liệu, tháo thiết bị cũ;
- Lắp và đấu thiết bị mới;
- Cấu hình cho thiết bị;
- Đấu điện hoạt động thử, hoàn thiện.

Đơn vị tính: 01 bộ

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CS2.211	Thay modem; thay bộ điều khiển PLC MASTER; thay bộ điều khiển PLC, RTU; thay bộ đo điện áp và dòng điện (Tranducer)	<i>Vật liệu</i>		
		- Thiết bị	bộ	1
		<i>Nhân công:</i>		
		- Kỹ sư bậc 4/8	công	0,50
				10

CS2.22100 Thay bộ đo dòng điện (TI)*Thành phần công việc:*

- Kiểm tra bộ đo dòng điện cũ;
- Lĩnh vật liệu, tháo bộ đo dòng điện cũ;
- Lắp và đấu bộ đo dòng điện mới;
- Nạp chương trình phần mềm;
- Cấu hình cho bộ đo dòng điện mới;
- Đấu điện hoạt động thử, hoàn thiện.

Đơn vị tính: 1 bộ

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CS2.221	Thay bộ đo dòng điện (TI)	<i>Vật liệu</i>		
		- Bộ đo dòng điện (TI)	bộ	1
		<i>Nhân công:</i>		
		- Kỹ sư bậc 4/8	công	0,50
				10

CS2.23100 Thay bộ đo dòng điện Coupler*Thành phần công việc:*

- Kiểm tra Coupler cũ;
- Lĩnh vật liệu, tháo Coupler cũ;
- Lắp và đấu Coupler mới;
- Đo và kiểm tra tín hiệu truyền thông giữa 2 trạm (tại Coupler);
- Đấu điện hoạt động thử, hoàn thiện;
- Kiểm tra lại chất lượng tín hiệu từ tủ khu vực và từ trung tâm;

Đơn vị tính: 1 bộ

Đơn vị tính: 100m					
Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Ngoài lưới	Trong tủ điều khiển
CS2.231	Thay bộ đo dòng điện Coupler	<i>Vật liệu</i>			
		- Coupler	bộ	1	1
		<i>Nhân công:</i>			
		- Kỹ sư bậc 4/8	công	1,0	0,50
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i>			
		- Xe nâng 12m	ca	0,36	
					10

CS2.24100 Thay tủ điều khiển khu vực*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị mặt bằng, tháo tủ cũ;
- Tháo đầu đầu, đầu kiểm tra;
- Đấu điện hoạt động thử, hoàn thiện;
- Kiểm tra lại chất lượng tín hiệu từ trung tâm;
- Vệ sinh, dọn dẹp hiện trường.

Đơn vị tính: 1 bộ

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CS2.241	Thay tủ điều khiển khu vực	<i>Vật liệu</i>		
		- Tủ điều khiển khu vực	bộ	1
		<i>Nhân công:</i>		
		- Kỹ sư bậc 4/8	công	2,0
				10

CS2.30000 Duy trì giám sát trung tâm điều khiển**CS2.31100 Thay thế phần điều khiển giám sát trung tâm tại tủ điều khiển chiếu sáng***Thành phần công việc:*

- Tháo phần điều khiển giám sát trung tâm tại tủ điều khiển chiếu sáng cũ;
- Khoan lắp các thiết bị mới trên vào giá;
- Đi lại dây điện;
- Đấu điện hoạt động thử, hoàn thiện;
- Kiểm tra lại chất lượng tín hiệu từ trung tâm.

Đơn vị tính: 1 bộ

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CS2.311	Thay thế phần điều khiển giám sát trung tâm tại tủ điều khiển chiếu sáng	<i>Vật liệu</i>		
		- Bộ điều khiển giám sát trung tâm tại tủ điều khiển chiếu sáng	bộ	1
		<i>Nhân công:</i>		
		- Kỹ sư bậc 4/8	công	1,50
				10

CS2.32100 Xử lý mất truyền thông tin (tín hiệu) giữa các tủ.*Thành phần công việc:*

- Đo kiểm tra tín hiệu giữa các tủ;
- Phân đoạn kiểm tra đường truyền thông;
- Kiểm tra chọn lại đường truyền thông;
- Đồng bộ hóa tín hiệu giữa các tủ;
- Kiểm tra lại chất lượng tín hiệu từ khu vực và từ trung tâm.

Đơn vị tính: 1 lần xử lý

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CS2.321	Xử lý mất truyền thông tin (tín hiệu) giữa các tủ.	Nhân công:		
		- Kỹ sư bậc 4/8	công	1,0
				10

CS2.33100 Lựa chọn pha truyền thông để đồng bộ hóa tín hiệu giữa các tủ (do thay TBA, thay cáp nguồn).*Thành phần công việc:*

- Kiểm tra điện áp pha cấp vào RTU;
- Kiểm tra lại chất lượng tín hiệu từ khu vực và từ trung tâm.

Đơn vị tính: 1 lần lựa chọn

Đơn vị tính: Nhân công				
Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CS2.331	Lựa chọn pha truyền thông để đồng bộ hóa tín hiệu giữa các tủ (do thay TBA, thay cáp nguồn).	<i>Nhân công:</i> - Kỹ sư bậc 4/8	 công	 0,50
				10

CS2.34100 Thay mạch hiển thị (board mạch) trên bảng hiển thị*Thành phần công việc:*

- Tháo bảng hiển thị, tháo board mạch cũ;
- Lắp đặt board mạch mới;
- Đấu điện hoạt động thử, hoàn thiện;
- Kiểm tra lại tín hiệu từ máy tính đến bản hiển thị.

Đơn vị tính: 1 lần lựa chọn

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CS2.341	Thay mạch hiển thị (board mạch) trên bảng hiển thị	<i>Vật liệu</i>		
		- Mạch hiển thị	bộ	1
		<i>Nhân công:</i>		
		- Kỹ sư bậc 4/8	công	0,50
				10

CS2.35100 Xử lý sự cố máy tính tại trung tâm*Thành phần công việc:*

- Cài đặt phần mềm trên máy tính;
- Kiểm tra đồng bộ tín hiệu với bảng hiển thị và các tủ khu vực.

Đơn vị tính: 1 lần xử lý

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CS2.351	Xử lý sự cố máy tính tại trung tâm	Nhân công:		
		- Kỹ sư bậc 4/8	công	1,0
				10

CHƯƠNG III: CÔNG TÁC QUẢN LÝ, DUY TRÌ HỆ THỐNG CHIẾU SÁNG ĐÔ THỊ

CS.QN.11000 Nắn chỉnh cột điện nghiêng, xoay, cong vênh

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị, dụng cụ lao động đến nơi làm việc.
- Tắt nguồn điện, tháo bulong chân cột đèn, hạ cột đèn bị nghiêng, xoay, cong vênh.
- Nắn chỉnh lại cột điện nghiêng, xoay, cong vênh.
- Dựng lại cột bị nghiêng, đổ đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.
- Thiết lập điện cho cột và đóng nắp cửa cột đèn.
- Vệ sinh, dọn dẹp hiện trường.
- Đảm bảo an toàn lao động, an toàn giao thông trong quá trình thực hiện.

CS.QN.11000 Nắn chỉnh cột điện nghiêng, xoay, cong vênh

Đơn vị tính: 1 cột

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CS.QN.110	Nắn chỉnh cột điện nghiêng, xoay, cong vênh	<i>Nhân công:</i>		
		- Bạc thợ 3,5/7	công	0,489
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i>		
		- Cần trục ô tô, sức nâng 3 tấn	ca	0,152
				10

Ghi chú: Định mức nắn chỉnh cột điện nghiêng, xoay, cong vênh áp dụng với chiều cao cột $H \leq 10m$

CS.QN.12010 Cắn chỉnh cần đèn, bóng đèn xoay

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị, dụng cụ lao động đến nơi làm việc.
- Đóng/tắt điện, trực tại tủ điện nguồn.
- Vận chuyển lên cao, cắn chỉnh vào vị trí cố định theo yêu cầu kỹ thuật.
- Thiết lập điện cho cột và đóng nắp cửa cột đèn.
- Vệ sinh, dọn dẹp hiện trường.
- Đảm bảo an toàn lao động, an toàn giao thông trong quá trình thực hiện.

Đơn vị tính: 1 cần

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CS.QN.120	Cắn chỉnh cần đèn, bóng đèn xoay	<i>Nhân công:</i>		
		- Bạc thợ 3,5/7	công	0,229
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i>		
		- Xe thang 12m	ca	0,074
				10

Ghi chú: Định mức cắn chỉnh cần đèn, bóng đèn xoay áp dụng với chiều dài cần $\leq 2,8m$.

CS.QN.13010 Thay đèn âm đất

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị, dụng cụ lao động đến nơi làm việc.
- Kiểm tra đèn âm đất, kiểm tra nguồn điện.
- Tiến hành tháo lắp phần vỏ đèn led âm đất trong lỗ chờ.
- Đấu nối nguồn điện cho đèn và lắp ráp thân đèn vào vỏ đèn.
- Kiểm tra đèn, đảm bảo an toàn lao động, an toàn giao thông trong quá trình thực hiện.
- Vệ sinh dọn dẹp hiện trường.

Đơn vị tính: 1 bộ

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CS.QN.130	Thay đèn âm đất	<i>Vật liệu:</i>		
		- Thiết bị đèn Led	bộ	1
		<i>Nhân công:</i>		
		- Bạc thợ 3,5/7	công	0,176
				10

CS.QN.14010 Thay bảng điện cửa cột

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị, dụng cụ lao động đến nơi làm việc.
- Cắt nguồn điện, lắp đặt cảnh giới, giám sát an toàn
- Định vị, lắp đặt, đấu nối bảng điện cửa cột
- Kiểm tra, đóng nguồn điện đảm bảo an toàn lao động.
- Vệ sinh dọn dẹp hiện trường.

Đơn vị tính: 1 cái

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CS.QN.140	Thay bảng điện cửa cột	<i>Vật liệu:</i>		
		- Bảng điện	cái	1
		<i>Nhân công:</i>		
		- Bạc thợ 3,5/7	công	0,106
				10

CS.QN.15010 Thay nắp cửa cột*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị, dụng cụ lao động đến nơi làm việc.
- Kiểm tra, đóng nguồn điện đảm bảo an toàn lao động.
- Đấu nối sửa chữa nắp cửa cột, lắp đặt cửa cột
- Vệ sinh dọn dẹp hiện trường.

Đơn vị tính: 1 cái

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CS.QN.150	Thay nắp cửa cột	<i>Vật liệu:</i>		
		- Nắp cửa cột	cái	1
		<i>Nhân công:</i>		
		- Bạc thợ 3,5/7	công	0,021
				10

CS.QN.16010 Đánh số cột đèn bằng sơn*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị, dụng cụ lao động đến nơi làm việc.
- Pha sơn, phun sơn theo yêu cầu kỹ thuật.
- Vệ sinh phần số cũ và đánh lại số mới
- Vệ sinh dọn dẹp hiện trường.

Đơn vị tính: 10 cột

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CS.QN.160	Đánh số cột đèn bằng sơn	<i>Vật liệu:</i>		
		- Sơn xịt	kg	0,270
		<i>Nhân công:</i>		
		- Bạc thợ 3/7	công	0,660
				10

CS.QN.17010 Thay vỏ tủ điện điều khiển chiếu sáng*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị, dụng cụ lao động đến nơi làm việc.
- Cắt nguồn điện, lắp đặt cảnh giới, giám sát an toàn lao động.
- Tháo gỡ vỏ tủ điều khiển cũ (hỏng), lắp đặt vỏ tủ điều khiển mới
- Đấu nối các đầu dây dẫn và bộ tủ điều khiển mới
- Thu dọn, đóng điện, vệ sinh dọn dẹp hiện trường

Đơn vị tính: 1 cái

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CS.QN.170	Thay vỏ tủ điện điều khiển chiếu sáng	<i>Vật liệu:</i>		
		- Vỏ tủ điều khiển chiếu sáng	cái	1
		<i>Nhân công:</i>		
		- Bậc thợ 3,5/7	công	0,611
				10

CS.QN.18010 Thay ắc quy lưu điện

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị, dụng cụ lao động đến nơi làm việc.
- Cắt nguồn điện, lắp đặt cảnh giới, giám sát an toàn lao động.
- Tháo thiết bị của tủ lưu điện đèn chiếu sáng, vệ sinh tủ đựng thiết bị (bình ắc quy)
- Thay thế thiết bị mới.
- Thu dọn, đóng điện, vệ sinh dọn dẹp hiện trường.

Đơn vị tính: 1 thiết bị

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CS.QN.180	Thay ắc quy lưu điện	<i>Vật liệu:</i>		
		- Ắc quy lưu điện	cái	1
		<i>Nhân công:</i>		
		- Bậc thợ 4/7	công	0,063
				10

CS.QN.19010 Thay thế tủ điều khiển chiếu sáng

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị, dụng cụ lao động đến nơi làm việc.
- Cắt nguồn điện, lắp đặt cảnh giới, giám sát an toàn lao động.
- Kiểm tra tủ, lắp đặt tủ, đấu cáp vào tủ
- Thu dọn, đóng điện, vệ sinh dọn dẹp hiện trường.

Đơn vị tính: 1 tủ

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CS.QN.190	Thay thế tủ điều khiển chiếu sáng	<i>Vật liệu:</i>		
		- Tủ điều khiển chiếu sáng	Tủ	1
		<i>Nhân công:</i>		
		- Bạc thợ 3,5/7	công	0,511
				10

CS.QN.20010 Thay thế dây đèn trang trí thả ngoài trời bằng máy

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị, dụng cụ lao động đến nơi làm việc.
- Cắt nguồn điện, lắp đặt cảnh giới, giám sát an toàn lao động.
- Kiểm tra, tháo dây đèn trang trí cũ, lắp dây đèn trang trí mới
- Thu dọn, đóng điện, vệ sinh dọn dẹp hiện trường.

Đơn vị tính: 20m

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CS.QN.200	Thay thế dây đèn trang trí thả ngoài trời bằng máy	<i>Vật liệu:</i>		
		- Dây đèn	mét	20
		<i>Nhân công:</i>		
		- Bạc thợ 3,5/7	công	0,6
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i>		
		- Xe thang 12m	ca	0,5
				10

CS.QN.21010 Thay thế dây đèn trang trí thả ngoài trời bằng thủ công

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị, dụng cụ lao động đến nơi làm việc.
- Cắt nguồn điện, lắp đặt cảnh giới, giám sát an toàn lao động.
- Kiểm tra, tháo dây đèn trang trí cũ, lắp dây đèn trang trí mới
- Thu dọn, đóng điện, vệ sinh dọn dẹp hiện trường

Đơn vị tính: 20 mét

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CS.QN.210	Thay thế dây đèn trang trí thả ngoài trời bằng thủ công	<i>Vật liệu:</i>		
		- Dây đèn	mét	20
		<i>Nhân công:</i>		
		- Bạc thợ 3,5/7	công	0,914
				10

CS.QN.22010 Thay thế dây đèn trang trí cuốn xung quanh cây

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị, dụng cụ lao động đến nơi làm việc.
- Cắt nguồn điện, lắp đặt cảnh giới, giám sát an toàn lao động.
- Kiểm tra, tháo dây đèn trang trí cũ, rải dây đèn quanh cây và định vị dây
- Thu dọn, đóng điện, vệ sinh dọn dẹp hiện trường

Đơn vị tính: 20 mét

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CS.QN.220	Thay thế dây đèn trang trí cuốn xung quanh cây	<i>Vật liệu:</i>		
		- Dây đèn	mét	20
		<i>Nhân công:</i>		
		- Bạc thợ 3,5/7	công	0,601
				10

CS.QN.23010 Tháo hạ cột để luồn dây lên đèn, lắp dựng lại cột chiều cao $\leq 12m$

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị, dụng cụ lao động đến nơi làm việc.
- Cắt nguồn điện, lắp đặt cảnh giới, giám sát an toàn lao động.
- Hạ cột đèn, rút tháo dây dẫn cũ, đo cắt dây dẫn mới
- Tiến hành buộc 1 dây dẫn vào vật nặng và luồn dây từ đầu cột xuống cửa cột
- Tiến hành đấu nối, đóng điện kiểm tra
- Thu dọn, vệ sinh dọn dẹp hiện trường.

Đơn vị tính: 20 mét

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CS.QN.230	Tháo hạ cột để luồng dây lên đèn, lắp dựng lại cột chiều cao $\leq 12\text{m}$	<i>Vật liệu:</i>		
		- Dây điện 2x2,5mm	mét	20,3
		<i>Nhân công:</i>		
		- Bạc thợ 4/7	công	0,345
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i>		
		- Cần trục ô tô, sức nâng 3 tấn	ca	0,119
				10

CS.QN.24010 Thay thế đèn pha trang trí dưới đất

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị, dụng cụ lao động đến nơi làm việc.
- Thay thế đèn pha cố định dưới đất, đấu bộ mỗi theo vị trí thiết kế.
- Kiểm tra dây nguồn đấu điện, đóng điện.
- Thu dọn, vệ sinh dọn dẹp hiện trường.

Đơn vị tính: 1 cái

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CS.QN.240	Thay thế đèn pha trang trí dưới đất	<i>Vật liệu:</i>		
		- Đèn pha	cái	1
		<i>Nhân công:</i>		
		- Bạc thợ 4/7	công	0,282
				10

CS.QN.25010 Thay cáp ngầm (không đào rãnh, rút cáp ngầm thay cáp)

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị, dụng cụ lao động đến nơi làm việc.
- Tháo đầu cáp, thu hồi cáp cũ hiện có.
- Rải cáp, đo khoảng cách cắt cáp, luồng dây mới.
- Cố định cáp vào đầu dây mới, kéo cáp trong ống
- Luồn cáp cửa cột, làm đầu cáp khô
- Đấu nối cáp, đo kiểm tra, thử điện
- Thu dọn, vệ sinh dọn dẹp hiện trường.

Đơn vị tính: 40 mét

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CS.QN.250	Thay cáp ngầm (không đào rãnh, rút cáp ngầm thay cáp)	<i>Vật liệu:</i>		
		- Cáp ngầm	mét	40
		- Đầu cốt	cái	8
		- Băng dính	cuộn	2
		<i>Nhân công:</i>		
		- Bạc thợ 3,5/7	công	4,285
				10

CS.QN.26010 Thay thế cột đèn trang trí chiều cao $H \leq 4m$

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị, dụng cụ lao động đến nơi làm việc.
- Kiểm tra cột đèn trang trí hư, cũ
- Cắt nguồn điện, lắp đặt cảnh giới, giám sát an toàn lao động.
- Kiểm tra, tháo bulong đế chân cột đèn, hạ cột đèn trang trí cũ
- Nhận vật tư, lắp đặt đặt cột đèn mới
- Thu dọn, đóng điện, vệ sinh dọn dẹp hiện trường.

Đơn vị tính: 1 cột

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CS.QN.260	Thay thế cột đèn trang trí chiều cao $H \leq 4m$	<i>Vật liệu:</i>		
		- Cột đèn trang trí	cột	1
		<i>Nhân công:</i>		
		- Bạc thợ 3,5/7	công	0,423
				10

CS.QN.27010 Thay thế đèn cầu trang trí trên cột chiều cao $H \leq 4m$

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị, dụng cụ lao động đến nơi làm việc.
- Sửa chữa chi tiết bóng đèn cũ, lắp bộ đèn mới, lắp đặt theo đúng kỹ thuật
- Kiểm tra dây nguồn đấu điện, đóng điện.
- Thu dọn, vệ sinh dọn dẹp hiện trường.

Đơn vị tính: 20 bóng

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CS.QN.270	Thay thế đèn cầu trang trí trên cột chiều cao $H \leq 4m$	<i>Vật liệu:</i>		
		- Đèn cầu	bóng	20
		<i>Nhân công:</i>		
		- Bạc thợ 4/7	công	0,229
				10

CS.QN.28010 Thay thế các thiết bị bộ nguồn, chống sét dưới đất

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị, dụng cụ lao động đến nơi làm việc.
- Cắt nguồn điện, lắp đặt cảnh giới, giám sát an toàn lao động
- Tháo thiết bị bộ nguồn, bộ chống sét.
- Lắp đặt thiết bị mới, đóng nguồn.
- Thu dọn, vệ sinh dọn dẹp hiện trường.

Đơn vị tính: 1 bộ

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CS.QN.280	Thay thế các thiết bị bộ nguồn, chống sét dưới đất	<i>Vật liệu:</i>		
		- Thiết bị bộ nguồn, chống sét	bộ	1
		<i>Nhân công:</i>		
		- Bạc thợ 4/7	công	0,271
				10

CS.QN.29010 Thay thế đèn trang trí ngang thân cột chiếu sáng

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị, dụng cụ lao động đến nơi làm việc.
- Cắt nguồn điện, lắp đặt cảnh giới, giám sát an toàn lao động
- Kiểm tra tháo lắp thiết bị đèn trang trí ngang thân cột điện
- Lắp đặt thiết bị đèn trang trí mới, đóng nguồn
- Thu dọn, đóng điện, vệ sinh dọn dẹp hiện trường.

Đơn vị tính: 1 bộ

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CS.QN.290	Thay thế đèn trang trí ngang thân cột chiếu sáng	<i>Vật liệu:</i>		
		- Đèn trang trí	bộ	1
		<i>Nhân công:</i>		
		- Bạc thợ 4/7	công	0,383
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i>		
		- Xe thang 9m	ca	0,120
				10

CS.QN.30010 Bảo dưỡng động cơ các cột đèn pha có giàn nâng hạ

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị, dụng cụ lao động đến nơi làm việc.
- Cắt nguồn điện, giám sát an toàn lao động
- Vệ sinh bảo dưỡng thiết bị đèn pha, kiểm tra cột đèn pha, thay mỡ máy
- Thu dọn, vệ sinh dọn dẹp hiện trường.

Đơn vị tính: 1 cột

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CS.QN.300	Bảo dưỡng động cơ nâng hạ	<i>Vật liệu:</i>		
		- Mỡ máy	kg	0,5
		<i>Nhân công:</i>		
		- Bạc thợ 4/7	công	0,257
				10

CS.QN.31010 Tháo hạ cột đèn pha bằng động cơ

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị, dụng cụ lao động đến nơi làm việc.
- Kiểm tra cột đèn trang trí hư, cũ
- Cắt nguồn điện, lắp đặt cảnh giới, giám sát an toàn lao động.
- Kiểm tra, tháo bulong đế chân cột đèn pha, hạ cột đèn pha cũ
- Thu dọn, đóng điện, vệ sinh dọn dẹp hiện trường.

Đơn vị tính: 1 cột

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CS.QN.310	Tháo hạ cột đèn pha bằng động cơ	<i>Nhân công:</i>	Công	0,411
		- Bậc thợ 4/7		
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i>	ca	0,091
		- Cần trục ô tô, sức nâng 3 tấn		
				10

CS.QN.32010 Quản lý đèn tín hiệu giao thông

Thành phần công việc:

- Trực, tiếp nhận thông tin sửa chữa.
- Tuần tra, kiểm tra hoạt động đèn, cột, hồ ga..., đo thông số định kỳ hệ thống đèn.
- Vệ sinh cột đèn tín hiệu giao thông.
- Ghi chép hoạt động của nút (chốt) hàng ngày.

Đơn vị tính: nút

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CS.QN.320	Quản lý đèn tín hiệu giao thông	<i>Nhân công:</i> - Bậc thợ 3/7	công	0,312
				10

CS.QN.33000 Bảo trì đèn chiếu sáng thẩm mỹ cầu lớn

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị vật tư, công cụ lao động, trang thiết bị bảo hộ lao động.
- Vệ sinh đèn, lau rửa kính đèn.
- Vệ sinh, dọn dẹp hiện trường.
- Cảnh giới và báo hiệu khu vực làm việc, giám sát an toàn.

Yêu cầu kỹ thuật:

- Lau sạch bề mặt đèn bằng khăn mềm và nước tẩy rửa không chứa cồn. Không dùng hóa chất mạnh.

CS.QN.33110 Lau chùi đèn mặt cầu, chân trụ

Đơn vị tính: 10đèn/lần

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CS.QN.331	Lau chùi đèn mặt cầu, chân trụ	<i>Vật liệu:</i>		
		- Giẻ lau mềm	kg	0,039
		- Nước sạch	m3	0,008
		- Nước tẩy rửa	lít	0,020
		<i>Nhân công:</i>		
		- Bậc thợ 4/7	công	0,123
				10

CS.QN.33210 Lau chùi đèn trên giá cao

Đơn vị tính: 10đèn/lần

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CS.QN.332	Lau chùi đèn trên giá cao	<i>Vật liệu:</i>		
		- Giẻ lau mềm	kg	0,139
		- Nước sạch	m3	0,006
		- Nước tẩy rửa	lít	0,028
		<i>Nhân công:</i>		
		- Bậc thợ 4/7	công	0,450
		- Bậc thợ 3/7	công	0,225
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i>		
		- Xe thang 12m	ca	0,216
				10

CS.QN.33310 Lau chùi đèn Led thanh chiếu hắt đáy đầm

Đơn vị tính: 10đèn/lần

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CS.QN.333	Lau chùi đèn Led thanh chiếu hắt đáy đầm	<i>Vật liệu:</i>		
		- Giẻ lau mềm	kg	0,042
		- Nước sạch	m3	0,002
		- Nước tẩy rửa	lít	0,004
		<i>Nhân công:</i>		
		- Kỹ sư bậc 4/8	công	0,039
		- Bậc thợ 4/7	công	0,077
		- Bậc thợ 3/7	công	0,039
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i>		
		- Xe kiểm tra cầu chuyên dụng	ca	0,036
				10